

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Hải Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Hải Anh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Hải Anh

Mã SV: 1112401048

Lớp: QT1601K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Minh Lộc

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	7
CHƯƠNG 1:NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	9
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	9
1.2. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	10
1.2.1. Một số khái niệm cơ bản	10
1.2.2.Phân loại hoạt động kinh doanh và phương thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động trong doanh nghiệp thương mại.....	12
1.2.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	13
1.3.NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	14
1.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	14
1.3.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	19
1.3.2.Kế toán giá vốn hàng bán.	22
1.3.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	26
1.3.4.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.	27
1.3.5.Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	33
1.3.5.1.Kế toán thu nhập khác	33
1.3.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	37
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	39

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	41
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	41
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Công ty chuyên cung cấp các loại bia và nước giải khát Bia gồm có các loại :	
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	42
2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây (2014 - 2016)	42
2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty	44
2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty	45
2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	48
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc	48
2.2.2.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.....	59
2.2.3.Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.....	65
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc	71
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	82

3.1.ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	82
3.1.1.Kết quả đạt được.	82
3.2.MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.....	88
3.2.1. Hoàn thiện chứng từ sử dụng.....	88
3.2.2.Hoàn thiện tài khoản sử dụng.	95
3.2.3.Hoàn thiện sổ sách sử dụng.	98
3.2.4: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.	103
3.2.5: Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán.....	104
KẾT LUẬN	108
TÀI LIỆU THAM KHẢO	109

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các doanh nghiệp phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập ở công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh đồng thời ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong quá trình thực tập tại công ty TNHH TM&DV Minh Lộc em đã quyết định đi sâu vào nghiên cứu và lựa chọn đề tài: **“ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc”** làm khóa luận tốt nghiệp.

+ Kết cấu của bài Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận chung doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.

Vì thời gian thực tập tại công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hi vọng những ý kiến trong bài sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc.

Em xin chân thành cảm ơn !!

CHƯƠNG 1:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI****1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh với nhau vô cùng gay gắt. Do đó, để kinh doanh hiệu quả nhất doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Chính vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung, doanh nghiệp nói riêng.

➤ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá đúng tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

➤ Đối với nhà đầu tư:

Thông qua chỉ tiêu về doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tính hình hoạt động của doanh nghiệp để có các chính sách đầu tư đúng đắn.

➤ Đối với nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

Chính vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý và những tổ chức, cá nhân cần thông tin về doanh nghiệp có thể nắm bắt một cách khái quát tình hình của doanh nghiệp.

➤ **Đối với tổ chức trung gian tài chính:**

Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ **Đối với Nhà nước:**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng với Nhà nước:

-Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

-Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

-Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

1.2. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

➤ **Doanh thu:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

▪ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* là toàn bộ số tiền thu được, sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa... bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá (nếu có).

▪ *Doanh thu thuần* là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...

▪ *Doanh thu tài chính* là khoản thu từ các hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.

▪ *Doanh thu nội bộ* là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

▪ *Các khoản giảm trừ doanh thu* là các khoản làm giảm thu nhập của doanh nghiệp như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

▪ *Thu nhập khác* là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu chỉ bao gồm: tổng giá trị của các lợi ích kinh tế đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu nội bộ không phải là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu cũng làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

➤ **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức khoản tiền phải chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

▪ *Giá vốn* là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán.

▪ *Chi phí quản lý kinh doanh* là chi phí chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

-Chi phí bán hàng: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyên hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

-Chi phí quản lý doanh nghiệp: là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý...

▪ *Chi phí tài chính* là phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.

▪ *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

▪ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

▪ *Kết quả kinh doanh* là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

1.2.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và phương thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động trong doanh nghiệp thương mại.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

-Hoạt động sản xuất kinh doanh

-Hoạt động tài chính

-Hoạt động khác

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động kinh doanh = DTT về BH và cung cấp DV - hàng bán - (bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng) Chi phí quản lý kinh doanh

- Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

-Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

-Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

-Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

-Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

-Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

-Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

-Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.3.NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .

1.3.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**** Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng:***

Thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau.

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

**** Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn

thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch và cung cấp dịch vụ đó.

*** Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý từ các khoản đã thu được tiền, hoặc thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

*** Các phương thức bán hàng**

- *Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp*

Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hoá đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận.

- *Kế toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi cho khách hàng*

Phương thức gửi hàng đi là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận

thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Kế toán bán hàng theo phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng

Phương thức bán hàng gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng là phương thức bên giao đại lý, ký gửi bên đại lý để bán hàng cho doanh nghiệp. Bên nhận đại lý, ký gửi bán hàng theo đúng giá đã quy định và được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng.

Theo luật thuế GTGT, nếu bên đại lý bán theo đúng giá quy định của bên giao đại lý thì toàn bộ thuế GTGT đầu ra cho bên giao đại lý phải tính nộp NSNN, bên nhận đại lý không phải nộp thuế GTGT trên phần hoa hồng được hưởng.

- Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp

Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại, người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Xét về bản chất, hàng bán trả chậm trả góp vẫn thuộc quyền sở hữu của đơn vị bán, nhưng quyền kiểm soát tài sản và lợi ích kinh tế sẽ thu được của tài sản đã được chuyển giao cho người mua. Vì vậy, doanh nghiệp thu nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm, phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

Phương thức hàng đổi hàng là phương thức bán hàng doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy hàng hoá khác không tương tự, giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hoá, vật tư tương ứng trên thị trường.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

❖TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

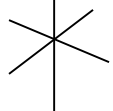
Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá

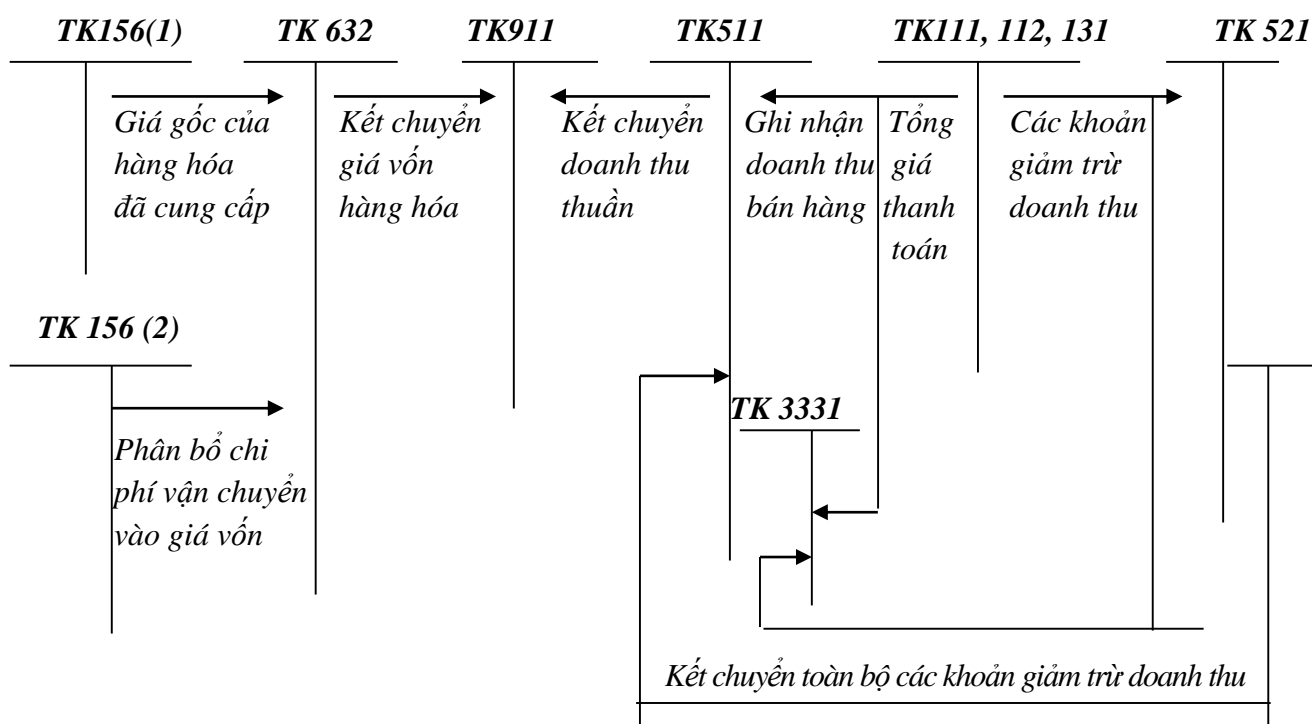
Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản

Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

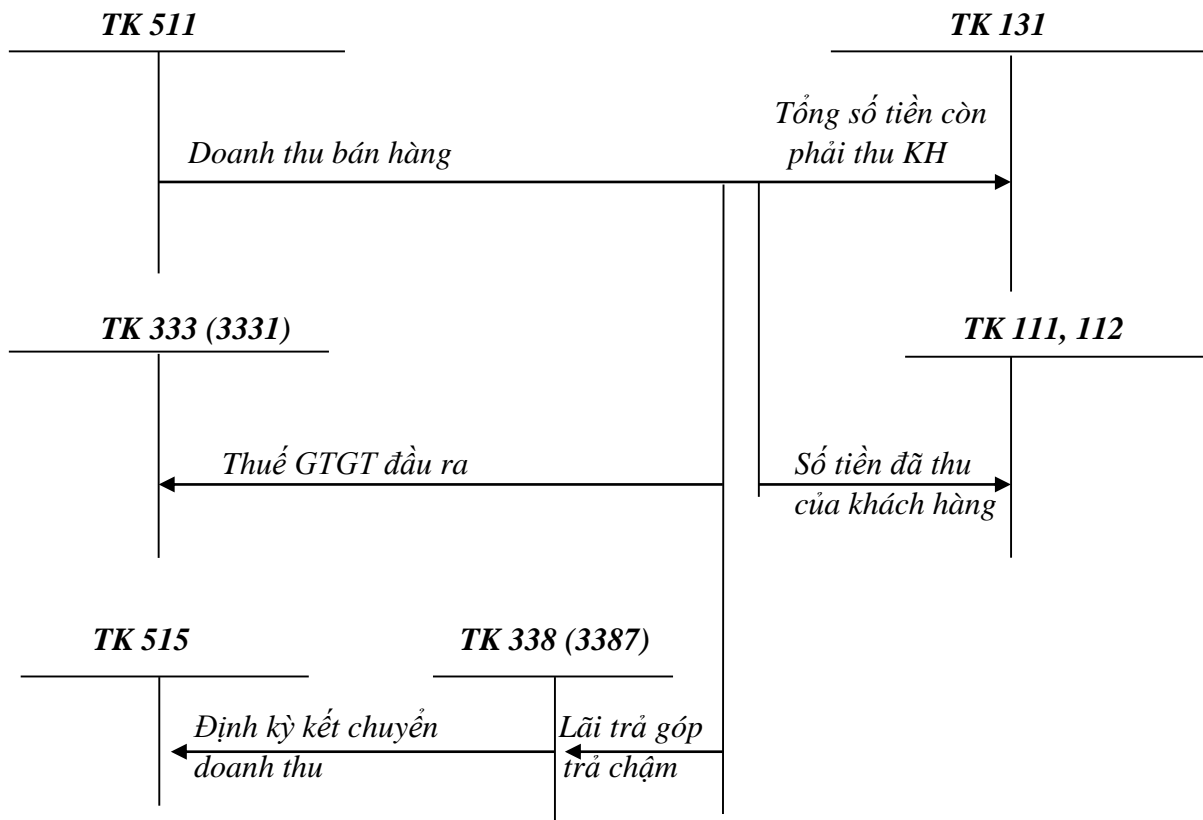
*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK511	Có
<p>- Số thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hóa đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.</p> <p>- Thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, kết chuyển cuối kỳ.</p> <p>- K/c doanh thu thuần vào tài khoản 911</p>	<p>- Doanh thu bán hàng hóa, bất sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của nghiệp thực hiện trong kỳ kế</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
		

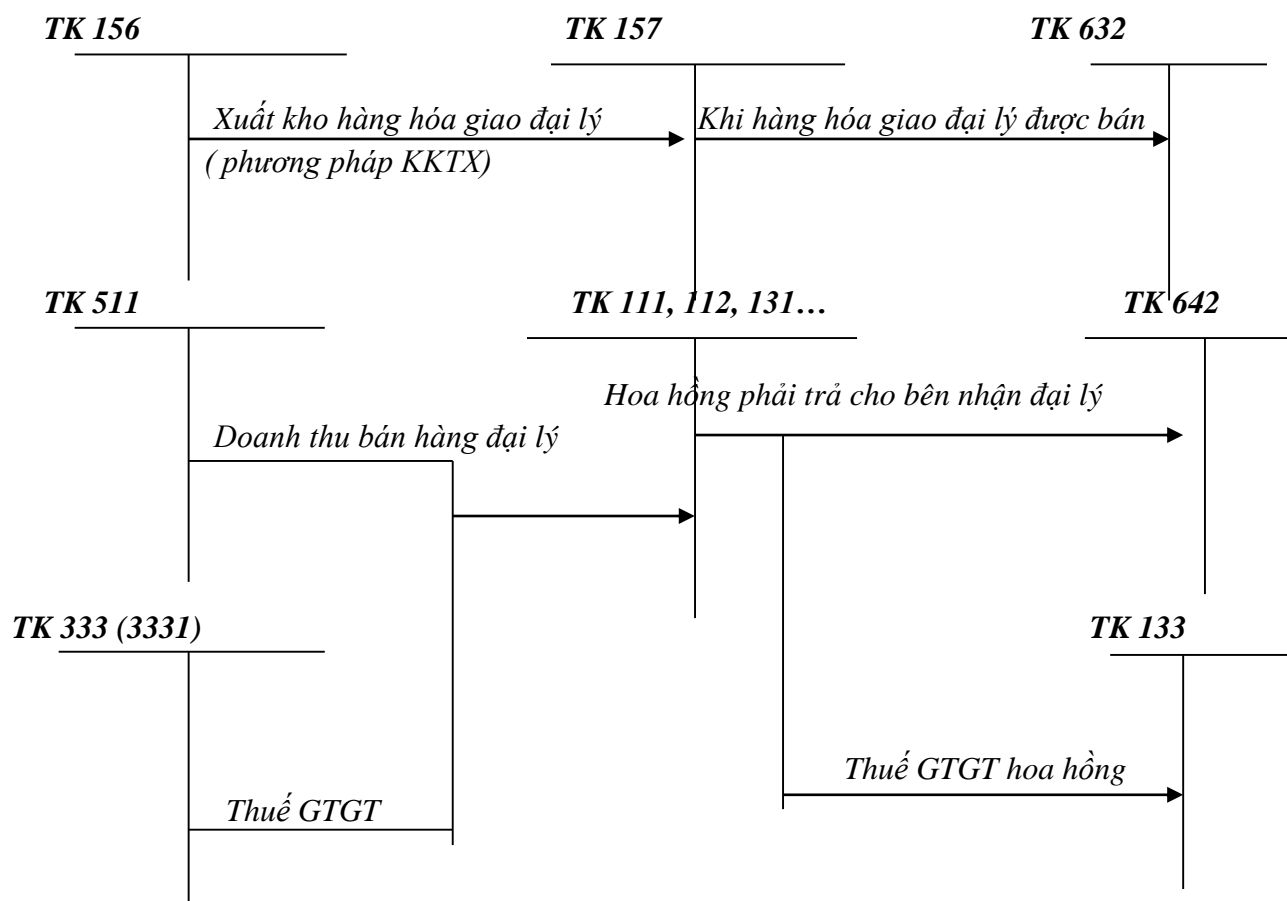
*** Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trực tiếp. (theo QĐ48/2006-BTC)



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ theo phương thức trả góp (theo QĐ48/2006-BTC)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức giao đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)(theo QĐ48/2006-BTC)

1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Là toàn bộ số tiền giảm trừ do người mua hàng và số thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp được tính giảm trừ vào doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng...

- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

*** Tài khoản sử dụng:**

❖ TK 521 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

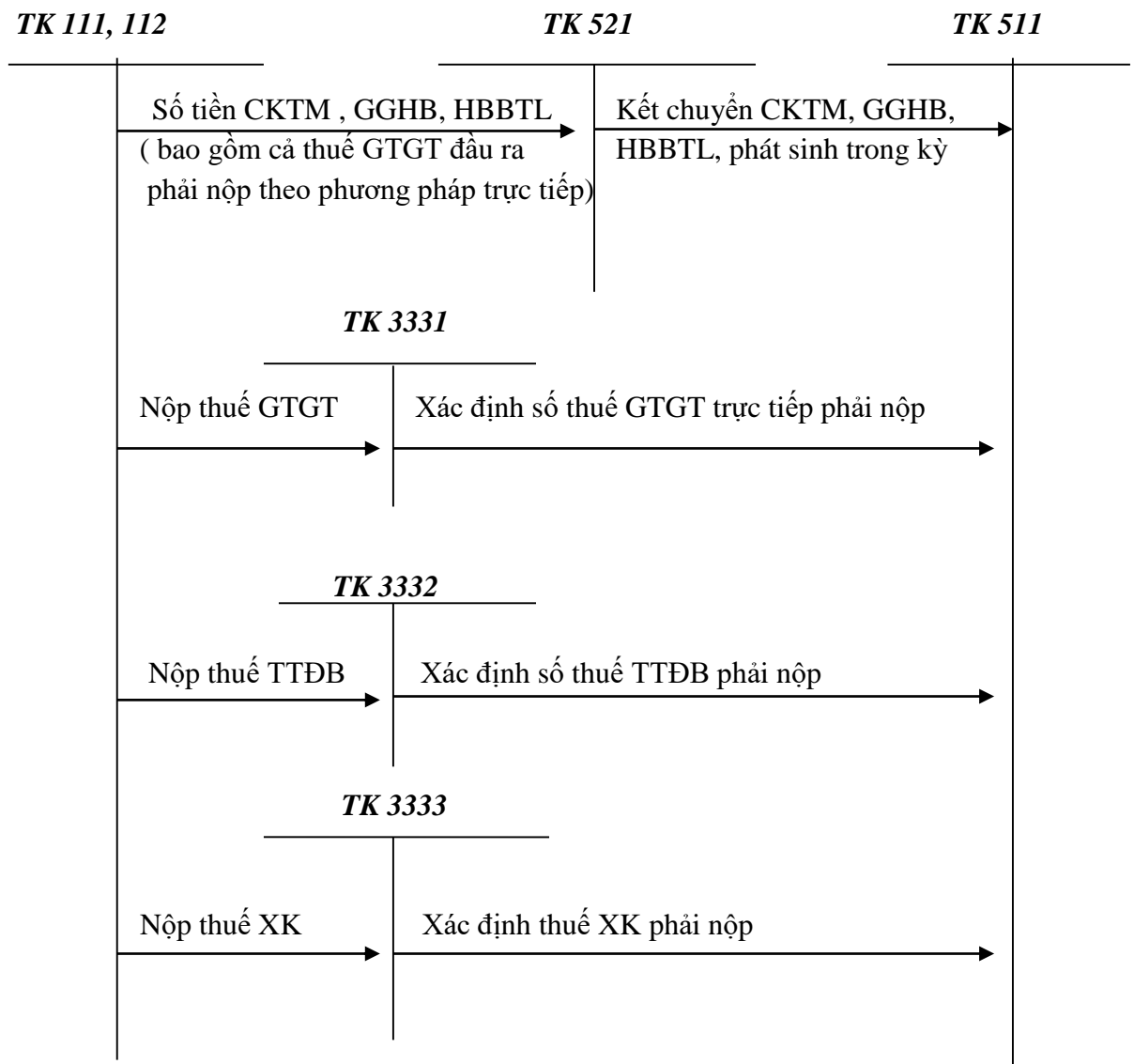
Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

*** Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 521	Có
-Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận bán cho người mua hàng - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.	-	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

** Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (theo QĐ48/2006-BTC)

*** Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thì thích hợp với hàng hóa có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng, bạc, kim loại quý hiếm, đá quý...

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 632: “ Giá vốn hàng bán”

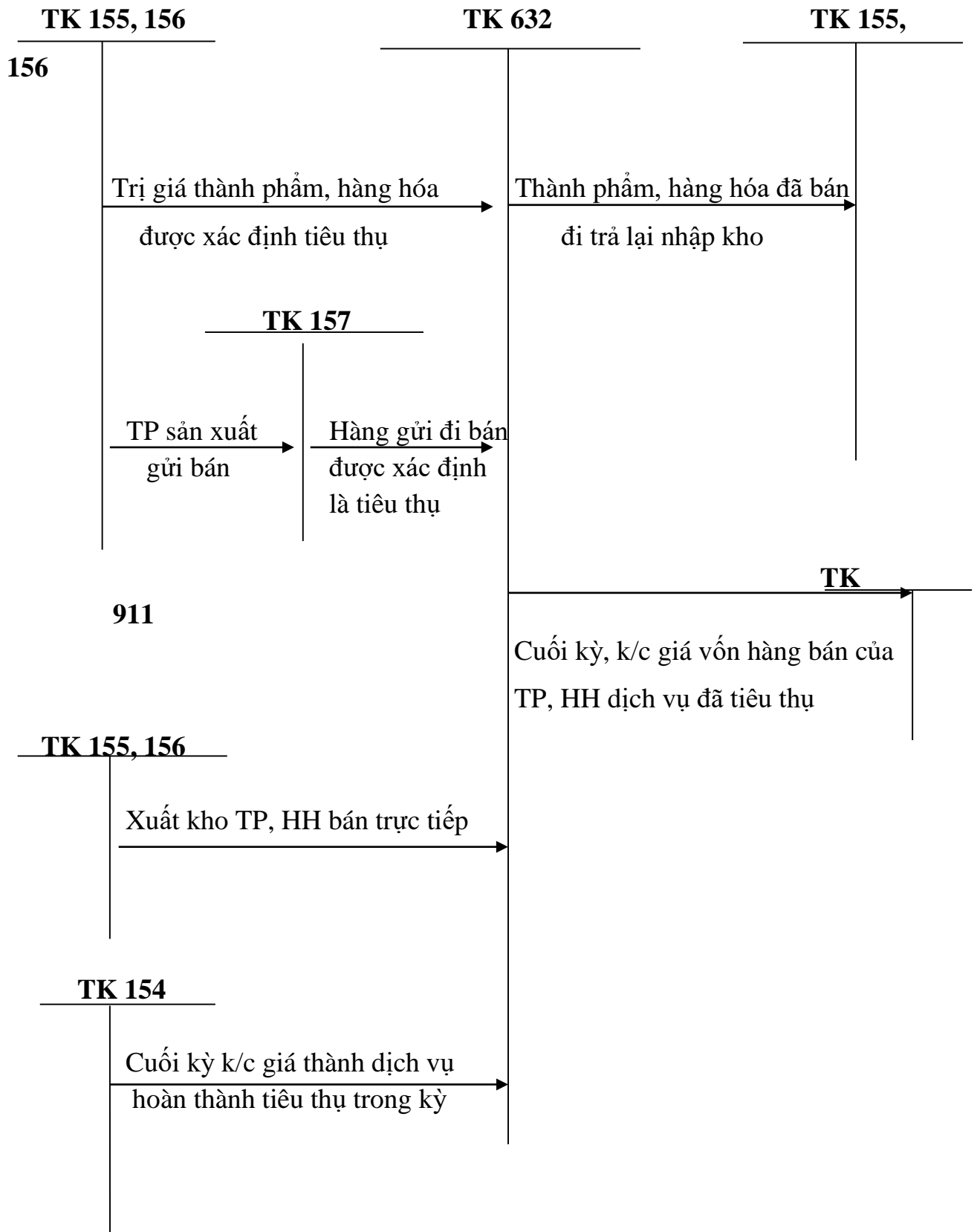
- *Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

*** Kết cấu tài khoản:****Nợ****TK 632****Có**

<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa kỳ dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ, + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho khi trừ phần bồi thường do chính trách nhiệm các nhân gây ra. + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không thể tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành. + Sự cố trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Đối với các hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, đầu tư không tính vào nguyên giá BĐS + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán trong kỳ + Chi phí cho thuê hoạt động BĐS đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong sang TK 911: - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh kỳ để xác định kết quả hoạt kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài (chênh lệch năm nay < số đã trích lập năm trước) - Giá trị hàng bán bị trả lại nhập kho
--	--

Tổng phát sinh bên nợ**Tổng phát sinh bên có**

* Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (theo QĐ48/2006-BTC)

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

- **TK 642:** “ Chi phí quản lý kinh doanh”

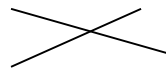
Các tài khoản chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:

Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

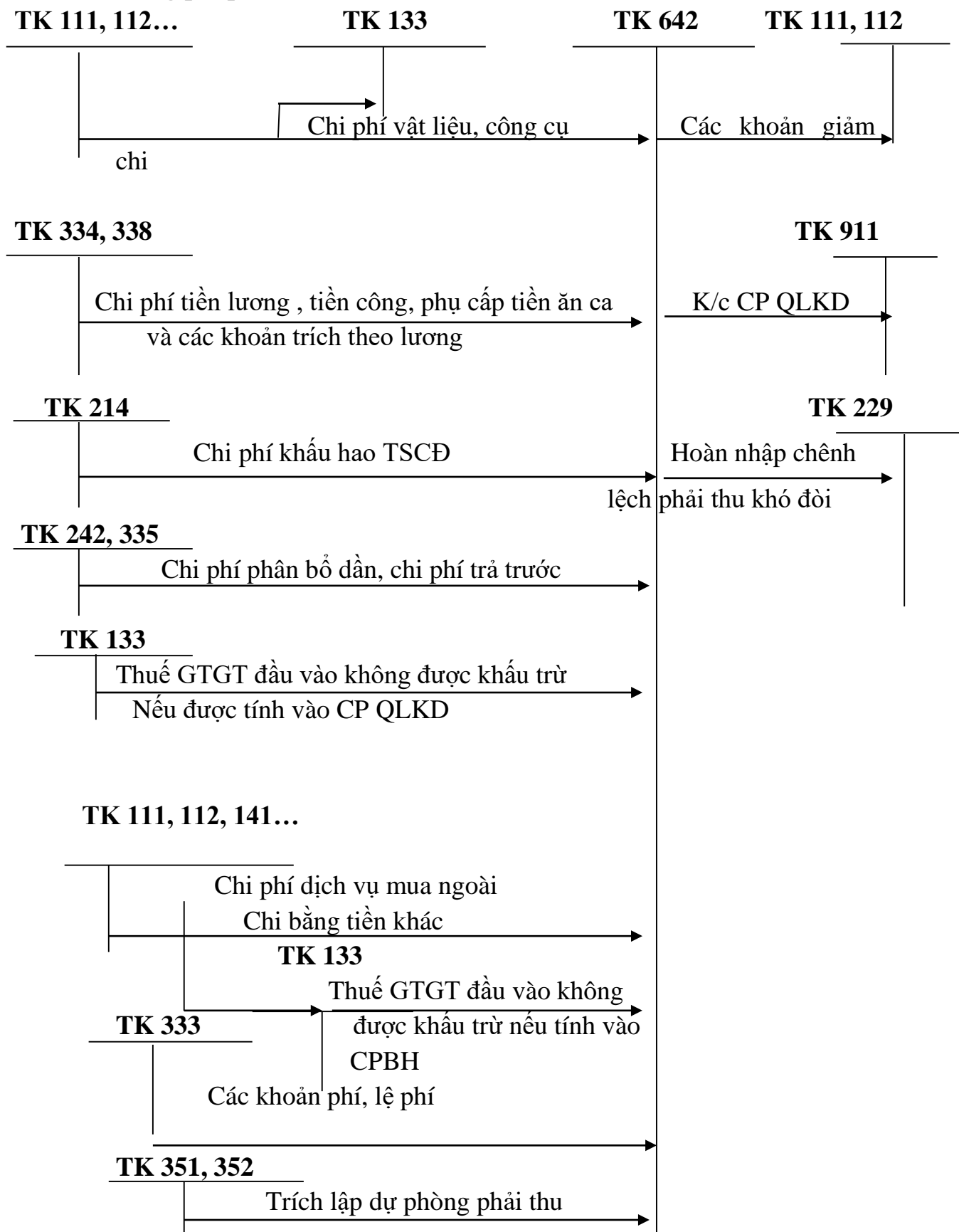
Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 642	Có
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh vào trong kỳ		Kết chuyển chi phí kinh doanh TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh (theo QĐ48/2006-BTC)
1.3.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.3.4.1. Kế toán doanh thu tài chính***Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:***

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý, nhượng bán các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- Các khoản thu hoạt động tài chính khác.

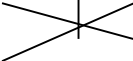
*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

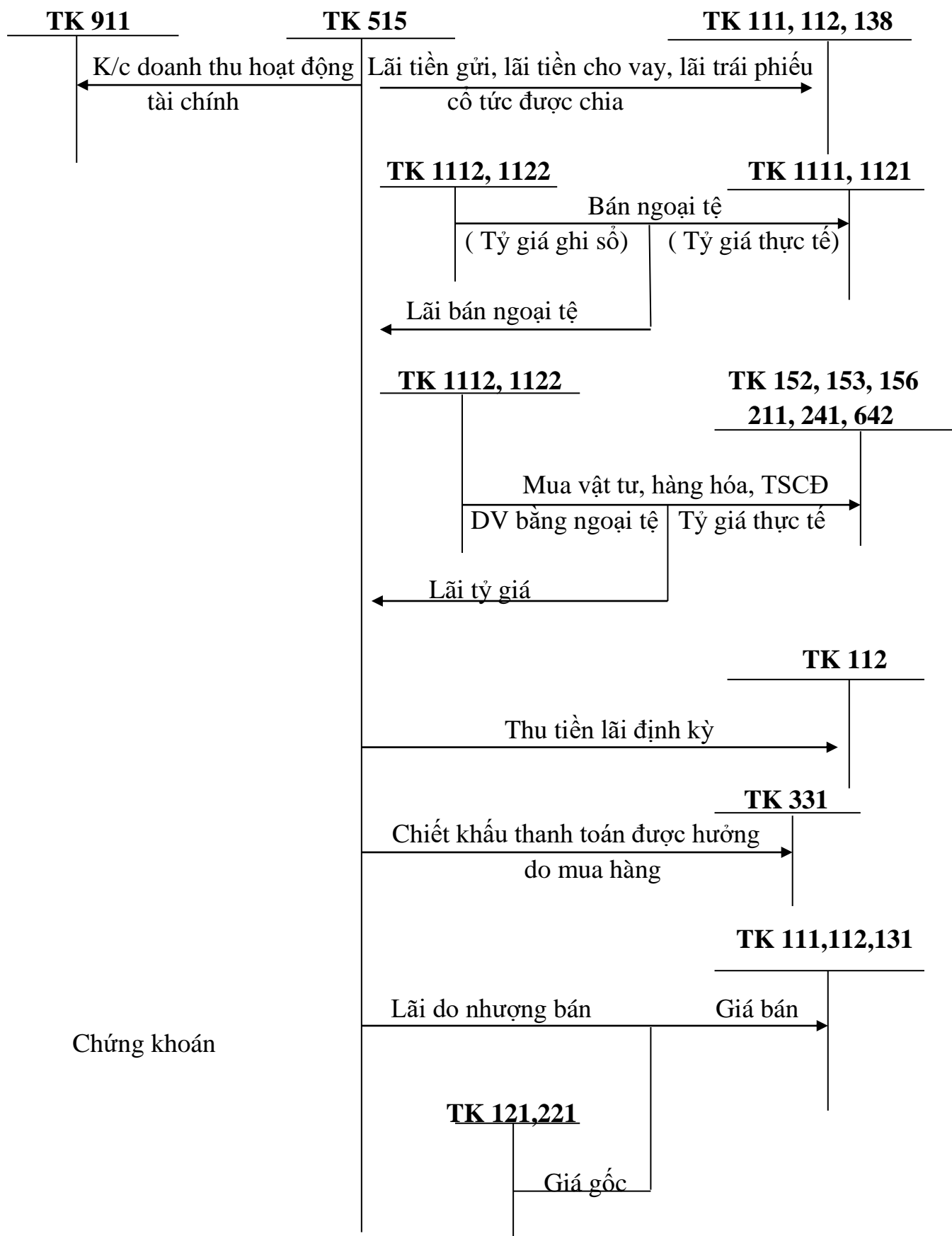
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo được chia phương pháp trực tiếp (nếu có) đầu - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận - Lãi do nhượng bán các khoản tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ - Chênh lệch do chuyển nhượng vốn - Các khoản doanh thu do hoạt động tài chính khác
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
		

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính (theo QĐ48/2006-BTC)

1.3.4.2. Kế toán chi phí tài chính*** Chứng từ sử dụng:**

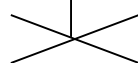
- Phiếu chi
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng:**

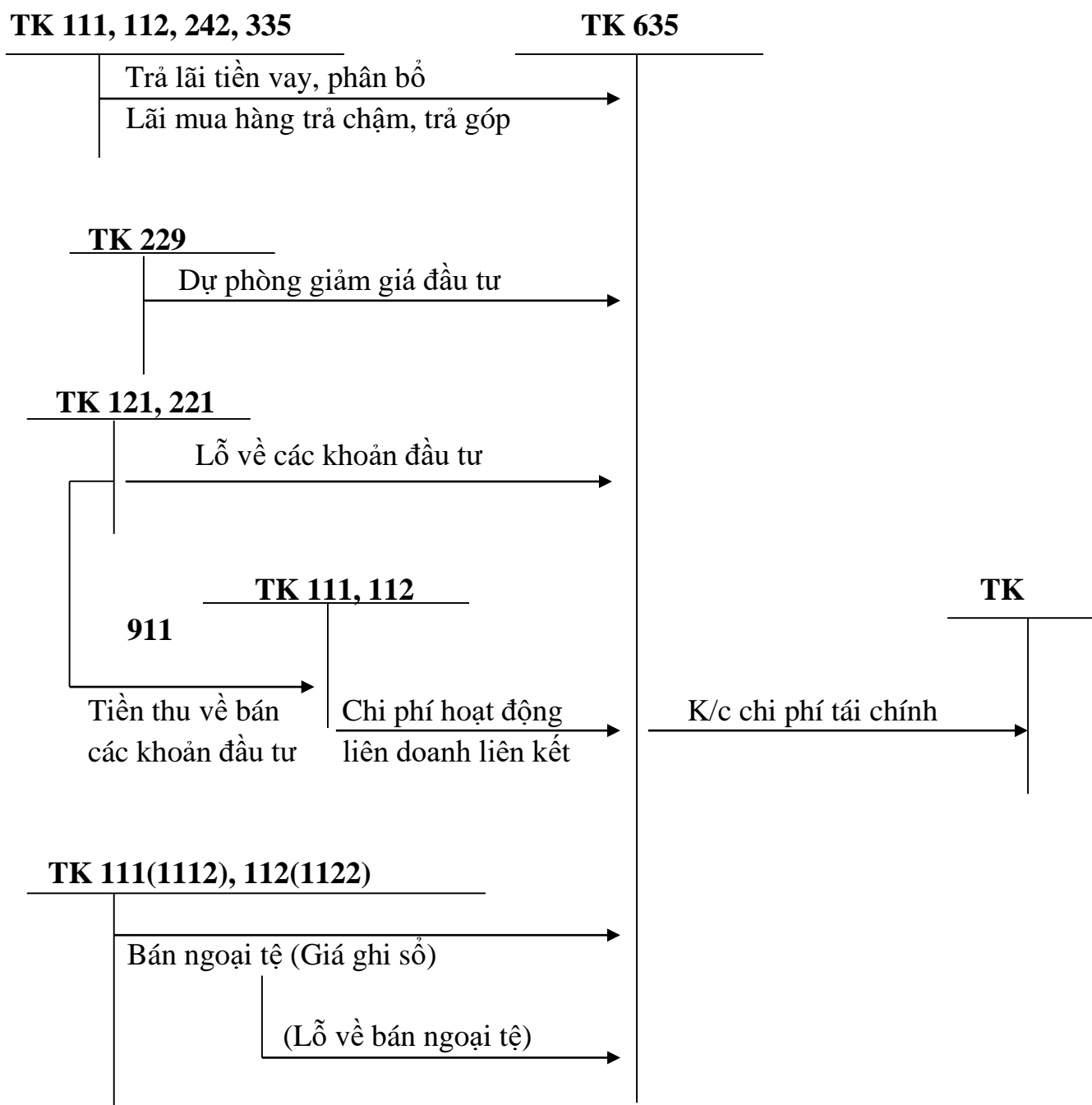
TK 635: “ Chi phí tài chính”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chứng lãi thuê tài sản thuê tài chính. phòng - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua chưa - Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. toàn bộ - Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh trong kỳ doanh kinh - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập giảm giá đầu tư khoán (chênh lệch giữa số dự phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí tài chính phát sinh để xác định kết quả hoạt động doanh. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có



*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính (theo QĐ48/2006-BTC)

1.3.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác**1.3.5.1. Kế toán thu nhập khác***** Chứng từ sử dụng:**

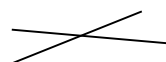
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

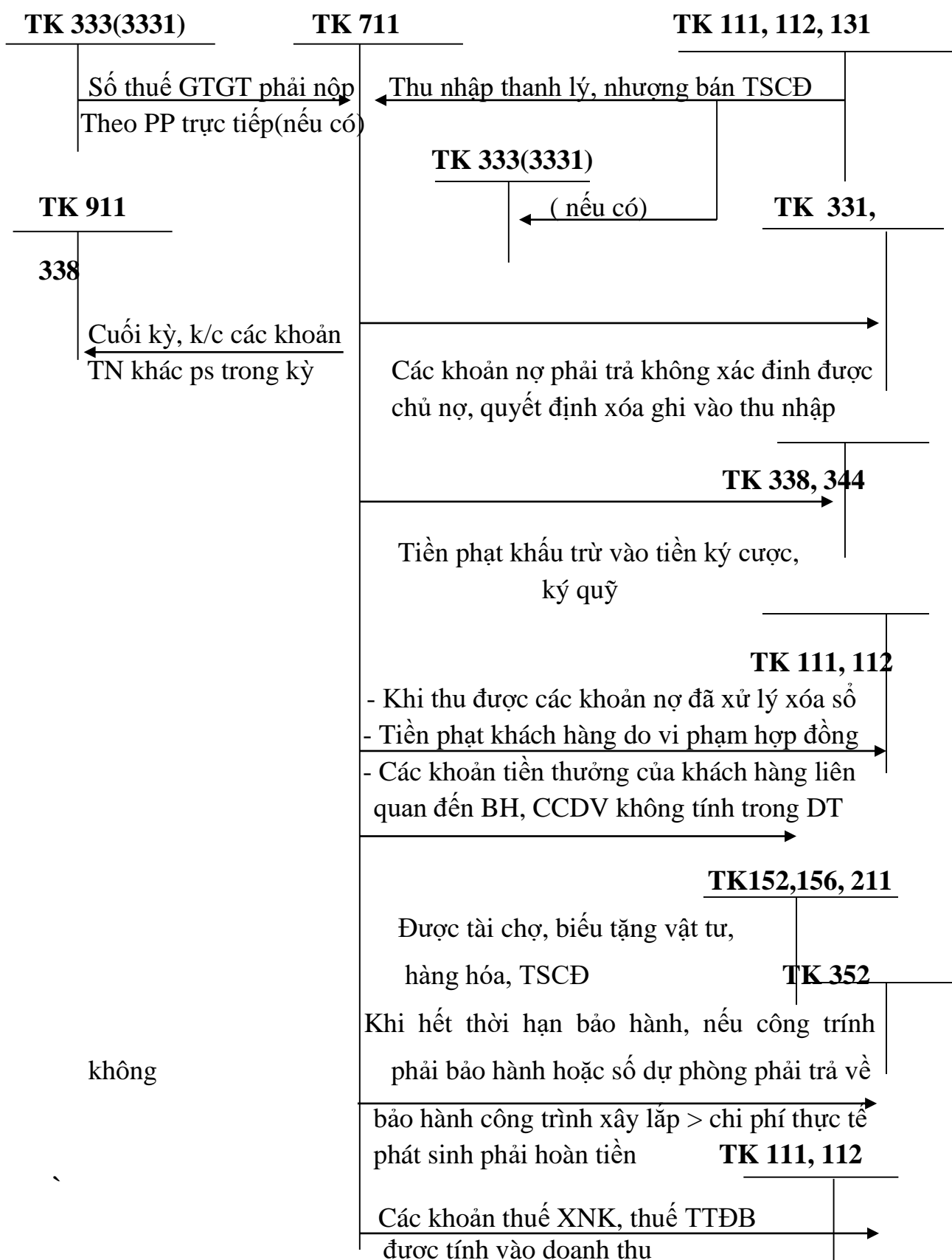
TK 711: “ Thu nhập khác”

*** Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 711
Có - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính trong theo phương pháp trực tiếp đối với tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911	- Các khoản thu nhập phát sinh kỳ.
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có



*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán thu nhập khác (theo QĐ48/2006-BTC)

1.3.5.2. Kế toán chi phí khác.**Chi phí khác bao gồm:**

- + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán.
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản phí khác


*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

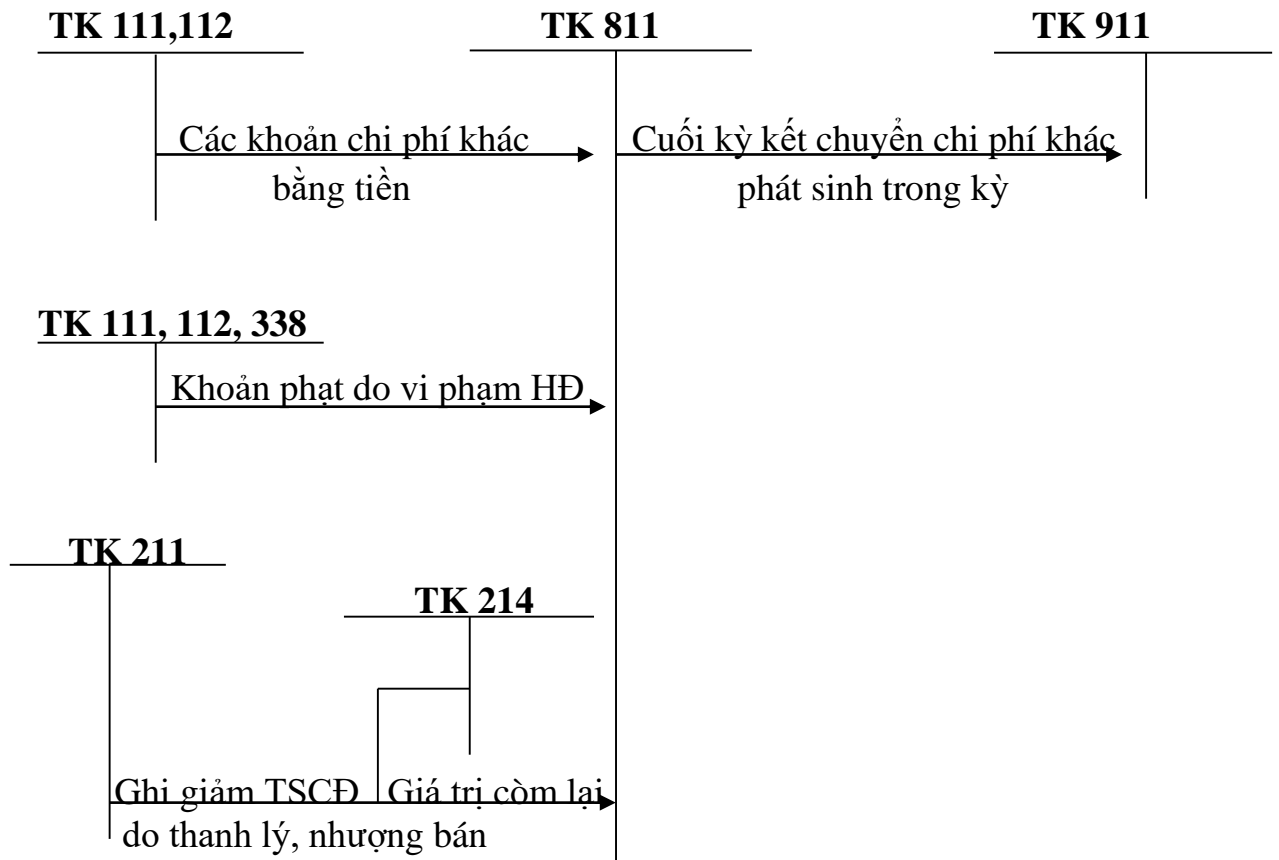
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 811: “Chi phí khác”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ		K/c toàn bộ chi phí vào TK 911
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
		

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí khác (theo QĐ48/2006-BTC)

1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.*** Chứng từ sử dụng:**

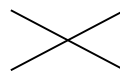
- Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng:**

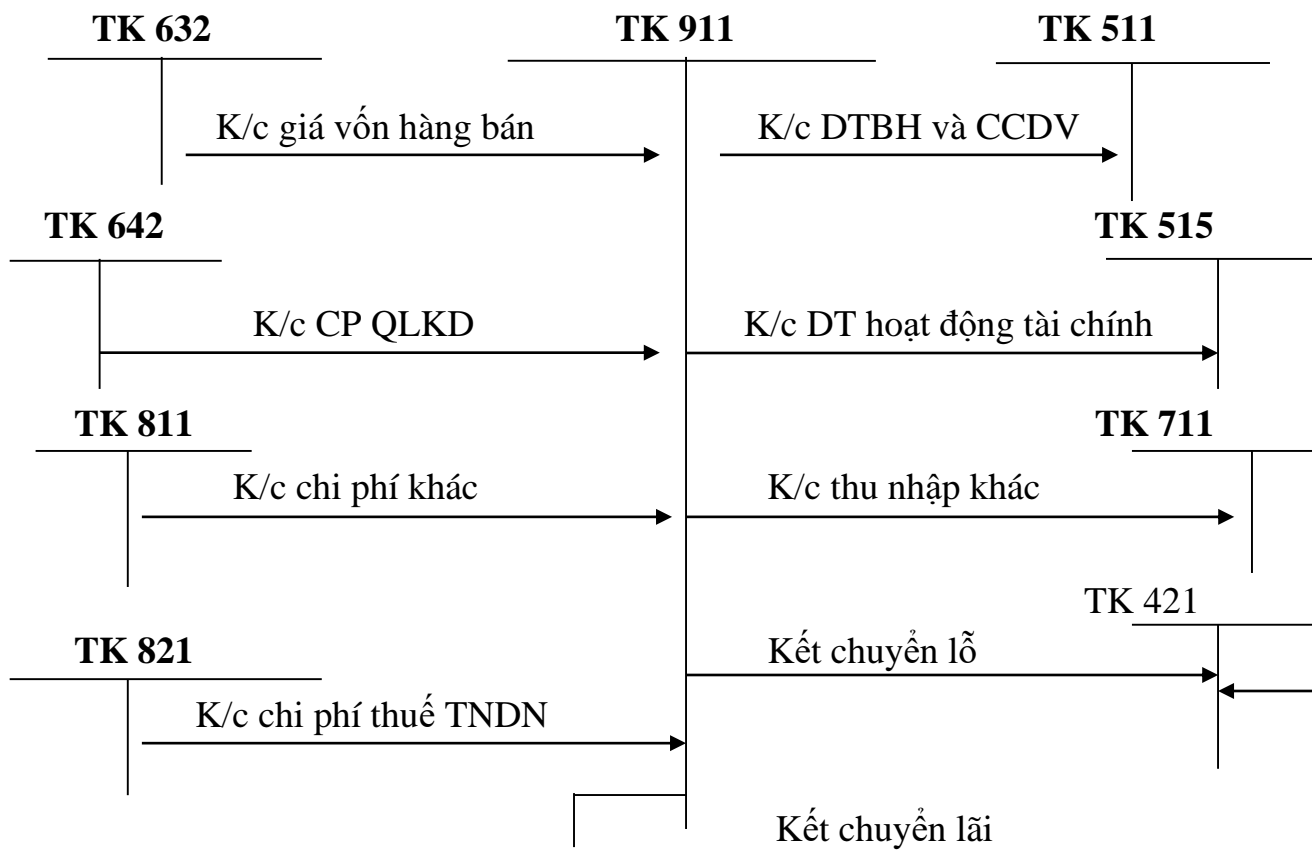
TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

*** Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, phẩm bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán dịch - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác các - Chi phí quản lý kinh doanh chi - Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản hàng hóa, bất động sản đầu tư và vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác và khoản ghi giảm phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



*** Phương pháp hạch toán.**



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh (theo QĐ48/2006-BTC)

1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

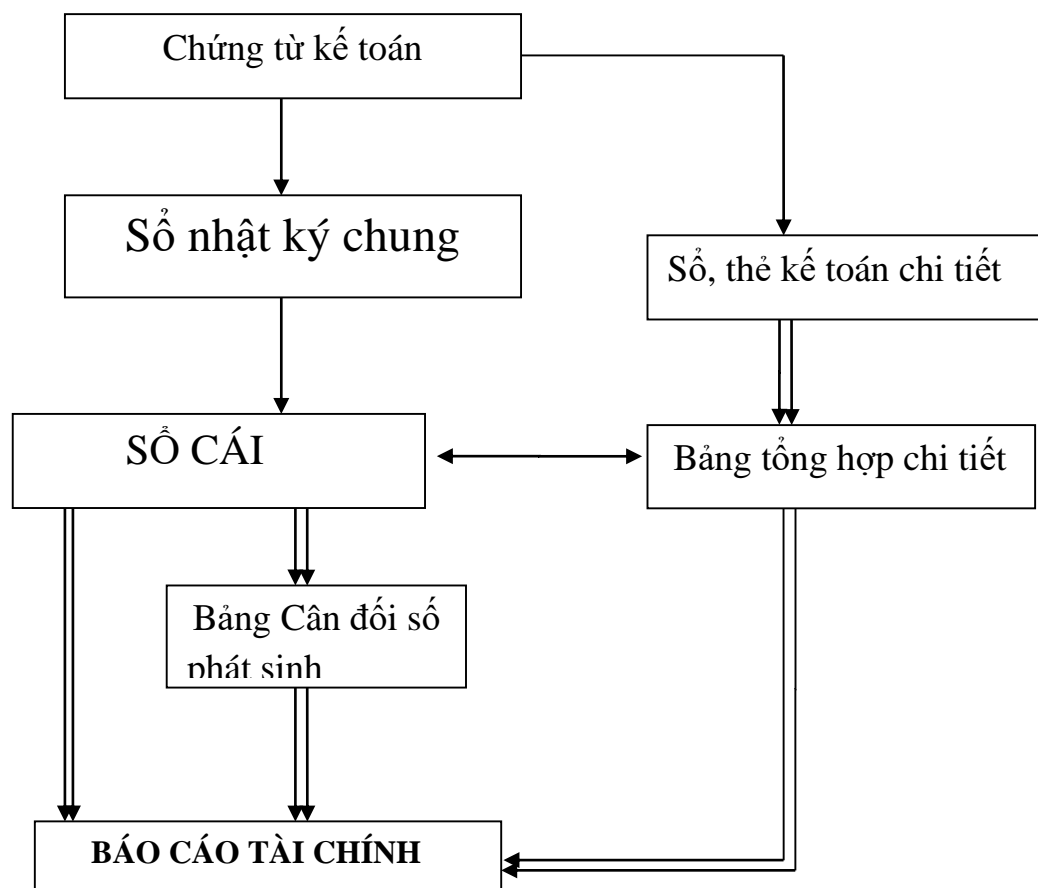
* Đặc trưng cơ bản hình thức nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cho từng nghiệp vụ phát sinh.

* Các loại sổ chủ yếu: - Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt

- Sổ cái

- Các sổ các thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

+ Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc là công ty TNHH 1 TV chuyên phân phối bia và nước giải khát có trụ sở chính tại Hải Phòng

-Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc

-Ngày thành lập: 24 – 04 – 2009

-Giấy phép số: 0200905782 Do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp

-Địa chỉ trụ sở chính: Khu 5 – Thị Trấn Tiên Lãng – Huyện Tiên Lãng –

HP

-Mã số thuế: 0200905782

-Vốn điều lệ: 1.900.000.000

Từ khi mới khi mới thành lập cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau 7 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Năm 2009 thành lập công ty THH TM và DV Minh Lộc với hoạt động phân phối bia và nước giải khát cùng đội ngũ nhân sự gồm 15 người

Năm 2010 công ty TNHH TM và DV Minh Lộc đã trở thành nhà phân phối bia và nước ngọt lớn nhất cho toàn khu vực huyện Tiên Lãng

Năm 2012 công ty đã mở rộng thị trường sang các khu vực lân cận như Vĩnh Bảo, An Lão

Hiện nay, công ty TNHH TM và DV Minh Lộc đã trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối bia và nước giải khát cho toàn khu vực Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão và đang từng bước tiếp cận và mở rộng thị trường sang khu vực lân cận như Kiến An và một số huyện của Hải Dương giáp với Hải phòng

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty chuyên cung cấp các loại bia và nước giải khát

Bia gồm có các loại : Bia chai 450 ml, bia lon HN 200ml, bia Haliken lon...

Nước ngọt gồm có các loại: nước khoáng Faith, chanh muối, nước khoáng

Quang hanh, nước Aquafina, Lavie...

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

-Thuận lợi:

-Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm tốt

-Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp

Cơ sở vật chất tốt như: xe tải chuyên chở hàng cỡ lớn, cỡ nhỏ, nhà kho sạch sẽ thoáng đãng, rộng rãi đáp ứng nhu cầu chứa hàng tốt

Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

-Khó khăn:

-Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc

-Nhu cầu sử dụng của khách hàng đa dạng và có tính thời vụ

Đối thủ cạnh tranh nhiều, hàng giả, hàng nhái kém chất lượng với giá rẻ tràn lan trên thị trường

2.1.4. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây (2014 - 2016)

- Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã có được kết quả nhất định trong quản lý và kinh doanh. Công tác điều tra và nghiên cứu thị trường luôn luôn được coi trọng và cải tiến không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Cung cấp đa dạng các sản phẩm với giá cả cạnh tranh nhất.

- Năm 2013 Công ty được tặng bằng khen *Lao động tiên tiến* do thành ủy Tiên Lãng trao tặng. Đây là một sự khẳng định cho những nỗ lực của doanh nghiệp.

- Ngoài những điều đã nêu thì doanh thu hàng năm của công ty ngày càng tăng cũng thể hiện những nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ quản lý và nhân viên trong công ty.

Doanh thu, lợi nhuận tăng đều trong các năm. Thể hiện qua báo cáo qua các năm

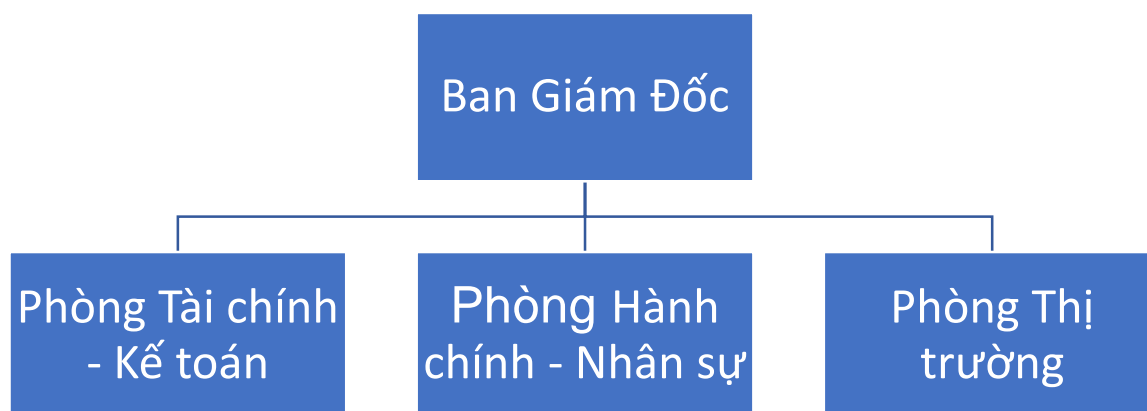
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu BH và CCDV	20.563.055.664	26.750.590.795	31.546.267.175
Các khoản giảm trừ DT			
Doanh thu thuần	20.563.055.664	26.750.590.795	31.546.267.175
Giá vốn hàng bán	19.578.623.675	25.654.789.765	30.134.356.775
Lợi nhuận gộp	984.431.989	1.095.801.030	1.411.910.400
Doanh thu HĐTC	59.000	40.357	45.000
Chi phí tài chính	95.000.000	255.000.000	190.000.000
CPQLKD	598.122.370	650.500.338	895.233.176
Thu nhập khác			
Chi phí khác			
LNTT	291.318.619	190.341.049	312.724.374
Thuế TNDN	64.101.096	41.875.038	68.799.362
LNST	227.267.523	148.466.018	243.925.012

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh của 3 năm thấy tình hình công ty biến động qua từng năm. Công ty hoạt động hiệu quả, lợi nhuận tuy không tăng đều

qua các năm nhưng cũng có những chuyển biến tốt cụ thể 2014 là hơn 227 triệu, năm 2015 là hơn 148 triệu, năm 2016 là hơn 316 triệu

Với những khó khăn hiện nay của nền kinh tế. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế, lạm phát ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, với những chiến lược kinh doanh thông minh, linh hoạt, biết nắm bắt xu hướng, tâm lý khách hàng doanh nghiệp đã nắm vững thị phần và không những vậy thị phần còn ngày một gia tăng.

2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

▪**Ban giám đốc công ty:** Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính

▪**Phòng Tài chính – Kế toán:** Thực hiện và giám sát các công việc về tài chính

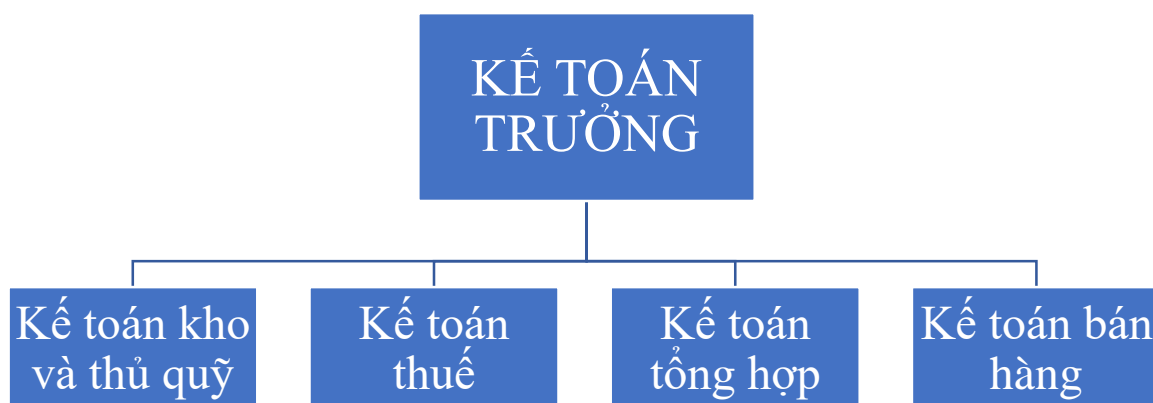
▪**Phòng Thị trường:** Chịu trách nhiệm về phần hình ảnh của công ty, điều tra, phân tích, đánh giá và tìm hướng mở rộng thị trường.

▪ **Phòng Hành chính – Nhân sự:** Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.6.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

▪ **Kế toán trưởng:** Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành

▪ **Kế toán kho và thủ quỹ:** Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng

tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

▪ **Kế toán thuế:** Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách

▪ **Kế toán tổng hợp:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo tài chính.

▪ **Kế toán bán hàng:** Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty.

2.1.6.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

-Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

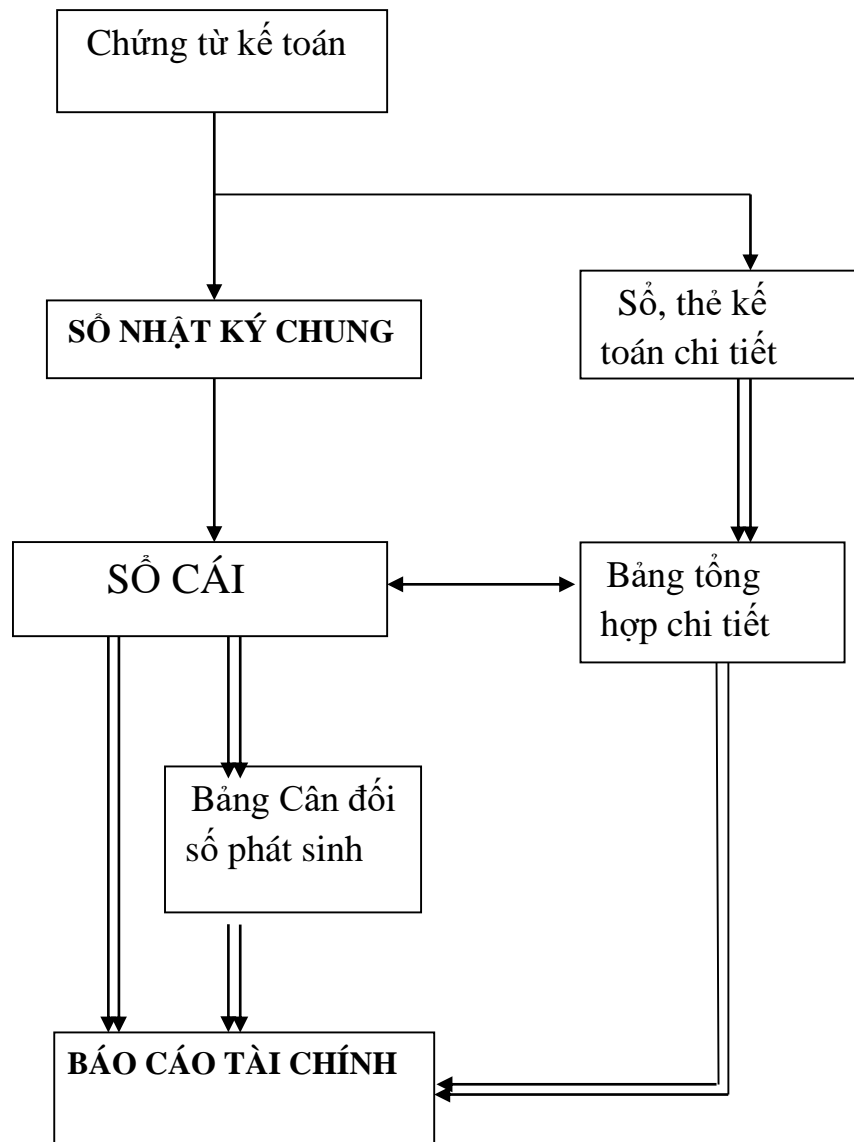
-Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

-Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng

-Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước

-Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

-Công ty sử dụng VNĐ là loại tiền chính để hạch toán



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết sau đó căn cứ số liệu đã ghi ở sổ nhật ký chung để vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu đã ghi ở Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC

2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

Doanh thu bán hàng của công ty có được chủ yếu từ việc bán các loại bia và nước giải khát

Phương thức tính giá xuất kho: Nhập trước xuất trước

Phương thức bán hàng: Bán trực tiếp

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT

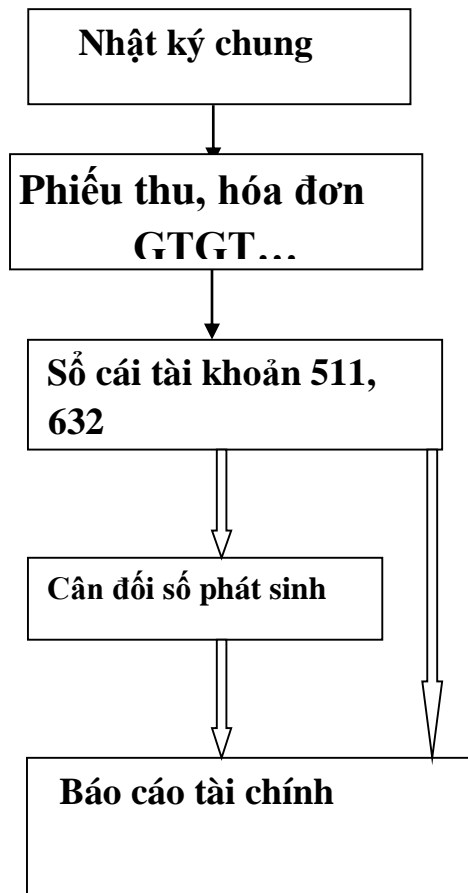
Phiếu thu

Phiếu xuất kho

Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng: 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

632: Giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán

Ví dụ 1: Ngày 11/12/2016, công ty bán hàng cho các đại lý Hùng Nga số tiền: 16.742.000 (cả thuế GTGT)

Biểu số 01: Hóa đơn GTGT số 0001922

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: ML/15P		
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 11 tháng 12 năm 2016			Số: 0001922		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC					
Mã số thuế : 0200905782					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Điện thoại/Fax: 0225.3683174					
Họ tên người mua hàng: Đoàn Thúy Nga					
Tên đơn vị: Đại lý Hùng Nga					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: 473 Trần Thành Ngọ - Kiến An – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Nước khoáng lavie 350mlx24chai	Thùng	100	72.150	7.215.000
2	Nước khoáng lavie 500mlx24chai	Thùng	100	80.050	8.005.000
Cộng tiền hàng:					15.220.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.522.000
Tổng tiền thanh toán:					16.742.000
Số tiền bằng chữ: <i>Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng./</i>					
Người mua hàng (<i>Đã ký, họ tên</i>)		Người bán hàng (<i>Đã ký, họ tên</i>)		Thủ trưởng đơn vị (<i>Đã ký, đóng dấu, họ tên</i>)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 02: Phiếu thu**Đơn vị:** Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc.**Mẫu số 01****Địa chỉ:** khu 5-TT Tiên Lãng-H.Tiên Lãng-Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Mã đơn vị SDNS:

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Quyền số:

Ngày 11 tháng 12 năm 2016 Số: 11/12

Nợ: TK 1111

Có: TK 511,3331

Họ và tên người nộp tiền: Đoàn Thúy Nga

Địa chỉ: Đại lý Hùng Nga

Lý do nộp: thu tiền hàng từ đại lý

Số tiền: **16.742.000** (Viết bằng chữ) Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng./

Kèm theo: HĐ GTGT số 0001922

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nộp
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)	(Đã ký, họ tên)	(Đã ký, họ tên)	phiếu (Đã ký, họ tên)	tiền (Đã ký, họ tên)

Biểu số 04: Phiếu xuất kho 11/12**Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc Mẫu số 02 – VT****Bộ phận:** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

Nợ TK 331

Số: 11/12

Có TK 156

- Họ tên người nhận: Đại lý Hùng Nga

- Theo HĐ GTGT số 0001922 ngày 11 tháng 12 năm 2016

Xuất tại kho: địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước khoáng lavie 350x24chai	Thùng	100	68.150	6.815.000
2	Bia khoáng lavie 500mlx24chai	Thùng	100	74.730	7.473.000
Cộng					14.288.000

- Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng./

- Số chứng từ kèm theo: HĐ GTGT 0001922

Ngày 11 tháng 12 năm 2016

Người lập	Người nhận	Thủ kho	Kế toán	Giám đốc
phiếu	hàng	(Đã ký, họ tên)	trưởng	(Đã ký, họ tên)
(Đã ký, họ tên)	(Đã ký, họ tên)		(hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)	
			(Đã ký, họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 15/12 bán hàng cho công ty CP ĐT Đức Thắng đã thu bằng tiền mặt

Biểu số 04: Hóa đơn GTGT số 0001989

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: ML/15P		
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 15 tháng 12 năm 2016			Số: 0001989		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC					
Mã số thuế : 0200905782					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Điện thoại/Fax: 0225.3683174					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư Đức Thắng					
Mã số thuế: 0201096372					
Địa chỉ: Tổ Trúc Sơn – Phường Quán Toan – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Nước khoáng lavie 350x24chai	Thùng	75	74.180	5.563.500
2	Nước chanh muối Faith Quang Hanh 355mlx24chai	Thùng	75	154.250	11.568.750
Cộng tiền hàng:					17.132.250
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.713.225
Tổng tiền thanh toán:					18.845.475
Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng./					
Người mua hàng (Đã ký, họ tên)		Người bán hàng (Đã ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 05: Phiếu thu**Đơn vị:** Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc.**Mẫu số 01****Địa chỉ:** khu 5-TT Tiên Lãng-H.Tiên Lãng-Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Mã đơn vị SDNS:

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Quyền số:

Ngày 15 tháng 12 năm 2016 Số: 15/12

Nợ: TK 1111

Có: TK 511,3331

Họ và tên người nộp tiền: Đoàn Công Toàn

Địa chỉ: Công ty CP ĐT Đức Thắng

Lý do thu: thu tiền bán hàng

Số tiền: **18.845.475** (Viết bằng chữ) Mười tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng./

Kèm theo: HĐ GTGT số 0001989

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Giám đốc**Kế toán****Thủ quỹ****Người lập****Người nộp**

(Đã ký, họ tên,

trưởng**phiếu****tiền**

đóng dấu)

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên)

(Đã ký, họ tên)

Biểu số 06: Phiếu xuất kho**Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc Mẫu số 02 – VT****Bộ phận:** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Nợ TK 331

Số: 15/12

Có TK 156

- Họ tên người nhận: Nguyễn Công Toàn

- Theo HĐ GTGT số 0001989 ngày 15 tháng 12 năm 2016

Xuất tại kho: địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước khoáng lavie 350x24chai	Thùng	75	68.150	5.111.250
2	Nước chanh muối Faith Quang Hanh 355mlx24chai	Thùng	75	131.720	9.879.000
Cộng					14.990.250

- Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng./

- Số chứng từ kèm theo: HĐ GTGT 0001989

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người lập	Người nhận	Thủ kho	Kế toán	Giám đốc
phiếu	hàng	(Đã ký, họ	trưởng	(Đã ký, họ
<i>(Đã ký, họ tên)</i>	<i>(Đã ký, họ tên)</i>	<i>tên)</i>	<i>(hoặc bộ phận</i>	<i>tên)</i>
			<i>có nhu cầu nhập)</i>	
			<i>(Đã ký, họ tên)</i>	

Biểu số 07: Trích sổ nhật ký chung năm 2016:

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Mẫu số S03a - DNN

Địa chỉ: khu 5 TT Tiên Lãng- H. Tiên Lãng - HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...
04/12	PT 04/12	04/12	Bán hàng cho công ty CP XD Minh Thùy		111	12.481.579	
					511		11.346.890
					3331		1.134.689
04/12	PXK 04/12	04/12	Giá vốn hàng bán		632	10.034.290	
					156		10.034.290
.....
11/12	PT 11/12	11/12	Bán hàng cho Đại lý Hùng Nga		111	16.742.000	
					511		15.220.000
					3331		1.522.000
11/12	PXK 11/12	11/12	Giá vốn hàng bán		632	14.288.000	
					156		14.288.000
...
15/12	PT 15/12	15/12	Bán hàng cho công ty CP ĐT Đức Thắng		111	18.845.475	
					511		17.132.250
					3331		1.713.225
15/12	PXK 15/12	15/12	Giá vốn hàng bán		632	14.990.250	
					156		14.990.250
...
			Cộng số phát sinh			200.589.320.200	200.589.320.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 08: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng - HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu tài khoản: 511

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>0</u>
...
04/12	PT 04/12	04/12	Bán hàng cho công ty CP XD Minh Thùy	111		11.246.890
...
11/12	PT 11/12	11/12	Bán hàng cho Đại lý Hùng Nga	111		15.220.000
...
15/12	PT 15/12	15/12	Bán hàng cho Công ty CP ĐT Đức Thắng	111		17.132.250
...
			Cộng phát sinh năm		31.546.267.175	31.546.267.175
			Số dư cuối năm			<u>0</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 9: Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng - HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>0</u>
...
04/12	PXK 04/12	04/12	Bán hàng cho công ty CP XD Minh Thùy	156	10.034.290	
...
11/12	PXK 11/12	11/12	Bán hàng cho Đại lý Hùng Nga	156	14.288.000	
...
15/12	PXK 15/12	15/12	Bán hàng cho công ty CP ĐT Đức Thắng	156	14.990.250	
...
			Cộng phát sinh năm		30.134.356.775	30.134.356.775
			Số dư cuối năm			<u>0</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty gồm những chi phí sau:

- Chi phí xăng dầu
- Chi phí nhân công bộ phận văn phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi

Giấy báo nợ

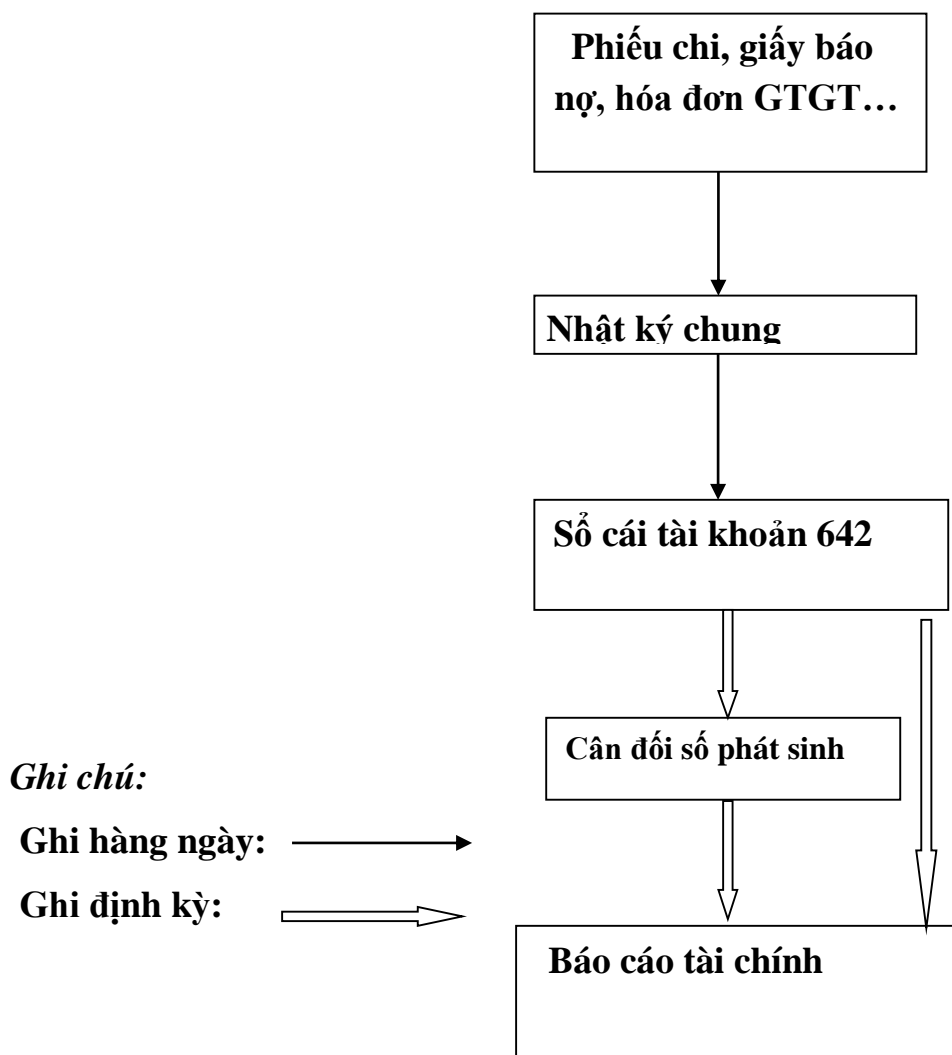
Hóa đơn GTGT

Bảng thanh toán lương

Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng: 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Sơ đồ 2.6: Trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.



Ví dụ 3: Ngày 02-10-2016 Công ty thanh toán tiền mua dầu DO 0.05S của công ty Xăng dầu Khu vực III – TNHH 1 TV đã trả bằng tiền mặt 3.826.075(bao gồm thuế VAT 10%)

Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0001576

Mẫu số: 01GTKT3/001



HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/16P

Liên 2: Giao KH Số: 0001576

Ngày 02 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty Xăng dầu Khu vực III – TNHH 1 TV

Mã số thuế: 0200120833

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, P Sở Dầu, Q Hồng Bàng, HP Số tài khoản:

Điện thoại: 0225-8350632

Họ tên người mua hàng: Đỗ Thị Tám

Tên Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Minh Lộc

Mã số thuế: 0200905782

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H. Tiên Lãng - HP

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Dầu DO 0.05S				3.478.250

Cộng tiền hàng: 3.478.250

Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT: 347.825

Tổng cộng tiền thanh toán: 3.826.075

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm hai sáu nghìn không trăm bảy lăm đồng./

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký, họ tên)	(Đã ký, họ tên)	(Đã ký, họ tên)

(Cần kiểm, tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 12: Phiếu chi**Đơn vị:** Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc.**Mẫu số 02****Địa chỉ:** khu 5-TT Tiên Lãng-H.Tiên Lãng-Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Mã đơn vị SDNS:

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Quyền số:

Ngày 02 tháng 12 năm 2016 Số: 02/12

Nợ: TK 642, 133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Đoàn Tuấn Trường

Địa chỉ: Công ty Xăng dầu Khu vực III – TNHH 1 TV

Lý do chi: thanh toán tiền dầu DO 0.05S

Số tiền: **3.826.075** (viết bằng chữ) Ba triệu tám trăm hai sáu nghìn không trăm bảy lăm đồng./

Kèm theo: HĐ GTGT số 0001576

Ngày 02 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Đã ký, họ tên)	(Đã ký, họ tên)	phiếu (Đã ký, họ tên)	tiền (Đã ký, họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 31 tháng 12 công ty tính lương phải trả cho bộ phận văn phòng 12 năm 2016

Biểu số 12: Bảng lương bộ phận văn phòng tháng 12

Biểu số 13: Trích sổ Nhật Ký Chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc
Địa chỉ: khu 5 TT Tiên Lãng- H. Tiên Lãng – HP

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...
07/11	PC 07/11	07/11	Mua dầu DO 0,05S của Công ty Xăng dầu Khu vực 3 – TNHH 1 TV		642	6.559.318	
					133	655.932	
					1111		7.215.250
...
02/12	PC 02/12	02/12	Mua dầu DO 0,05S của Công ty Xăng dầu Khu vực 3 – TNHH 1 TV		642	3.478.250	
					133	347.825	
					1111		3.826.075
...
31/12	BL T12	31/12	Tính lương phải trả tháng 12		642	65.880.000	
					334		65.880.000
			Trích các khoản theo lương		642	14.493.600	
					334	6.917.400	
					338		21.411.000
...
			Tổng			200.589.320.200	200.589.320.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Đã ký, họ tên)

Giám đốc
 (Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 14: Trích sổ cái 642**Đơn vị:** Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc**Địa chỉ:** Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng - HP**Mẫu số S03b-DN***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tên tài khoản:** Chi phí quản lý kinh doanh**Số hiệu tài khoản:** 642

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		-	-
...
07/11	PC 07/11	07/11	Mua dầu DO 0,05S	1111	6.559.318	
...
02/12	PC 02/12	02/12	Mua dầu DO 0,05S	1111	3.478.250	
...
31/12	BL T12	31/12	Thanh toán lương tháng 12	334	65.880.000
			Trích các khoản theo lương	338	14.493.600	
...
			Cộng phát sinh năm		895.233.176	895.233.176
			Số dư cuối năm		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Đã ký, họ tên)**Giám đốc**
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là: Lãi tiền gửi Ngân hàng

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là: Trả lãi vay Ngân hàng

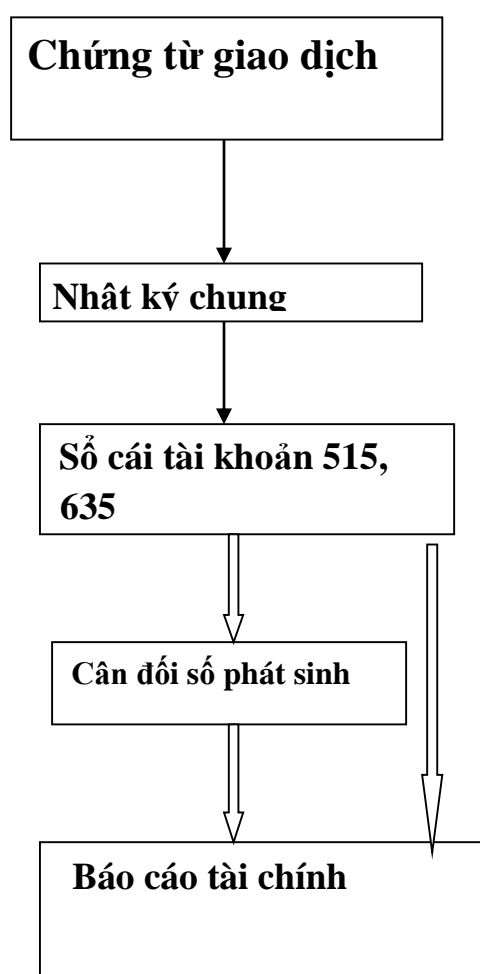
Chứng từ sử dụng: Chứng từ giao dịch

Tài khoản sử dụng:

515 Doanh thu tài chính

635 Chi phí tài chính

Trình tự ghi sổ: Theo sơ đồ 2.7



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Sơ đồ 2.7: Trình tự kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 5: Ngày 31/12 nhận lãi tiền gửi tháng 12 năm 2016

Biểu số 15: Chứng từ giao dịch



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
NoPTNT – CN H. Tiên Lãng – Hải Phòng
Mã số thuế của CN: 0100686174-905

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 210606C0000010

Tên khách hàng (Customer Name) Cty TNHH TM và DV Minh Lộc Địa chỉ: Khu 5 Thị Trấn Tiên Lãng Hải Phòng0903289373 Mã số thuế KH: 0200905782	Ngày giao dịch (Date) 31/12/2016
---	--

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

✓ Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have debited the following amount from your account/ or received bay cash.)

Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have debited the following amount to your account/ or received bay cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai thu tiền lãi vay		
Số TK (A/C No)	2106201001018	Số GD (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi vay	D	VND	2.768	31/12/2016
Tổng		VND	2.768	

Fist Interest Amuont: 2.768

Term: 01/12/2016 – 31/12/2016

Interest Rare: 9.5%

Người in: Đoàn thị Thúy	D: Nợ, C: Có			Trang1/1
Ngày in:31/12/2016	Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc
Giờ in: 10:52:12				
TEL: 1				
FAX: 1				

Ví dụ 6: Ngày 26/12 trả lãi vay tháng 12 năm 2016

Biểu số 16: Chứng từ giao dịch



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Số PTNT – CN H. Tiên Lãng – Hải Phòng
Mã số thuế của CN: 0100686174-905

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 210606C0000010

Tên khách hàng (Customer Name) Cty TNHH TM và DV Minh Lộc Địa chỉ: Khu 5 Thị Trấn Tiên Lãng Hải Phòng 0903289373 Mã số thuế KH: 0200905782	Ngày giao dịch (Date) 26/12/2016
---	--

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have debited the following amount from your account/ or received bay cash.)

✓ Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.

(We have debited the following amount to your account/ or received bay cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai thu tiền lãi vay		
Số TK (A/C No)	2106201001018	Số GD (Ref)	

n

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi vay	D	VND	17.000.000	26/12/2016
Tổng		VND	17.000.000	
Fist Interest Amuont: 17.000.000				
Term: 01/12/2016 – 31/12/2016				
Interest Rare: 9.5%				

Người in: Nguyễn Thanh Hà

D: Nợ, C: Có

Trang 1/1

Ngày in: 26/12/2016

Giờ in: 16:19:34

TEL: 1

FAX: 1

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

Biểu số 17: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc
Địa chỉ: khu 5 TT Tiên Lãng- H. Tiên Lãng - HP

Mẫu số S03a - DN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...
26/12	CTGD	26/12	Trả lãi vay tháng 12		635	17.000.000	
					112		17.000.000
...
30/12	CTGD	30/12	Nhận lãi tiền gửi tháng 12		112	2.768	
					515		2.768
...
			Tổng			200.589.320.200	200.589.320.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Đã ký, họ tên)

Giám đốc
 (Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích sổ cái 515

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng - HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu tài khoản: 515

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Sddk			
...
31/10	CTGD	31/10	Nhận lãi tiền gửi tháng 10	112		1.400
...
30/12	CTGD	30/12	Nhận lãi tiền gửi tháng 12	112		2.768
...
			Cộng phát sinh		47.150	47.150
			Sdck			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích sổ cái 635**Đơn vị:** Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc**Địa chỉ:** Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng - HP**Mẫu số S03b-DN***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tên tài khoản:** Chi phí tài chính**Số hiệu tài khoản:** 635

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Sddk			0
...
27/10	CTGD	27/10	Trả lãi vay tháng 10	112	17.000.000	
...
26/12	CTGD	26/12	Trả lãi vay tháng 12	112	17.000.000	
...
			Cộng phát sinh		204.000.000	204.000.000
			Số dư cuối năm			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
*(Đã ký, họ tên)***Kế toán trưởng**
*(Đã ký, họ tên)***Giám đốc**
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc

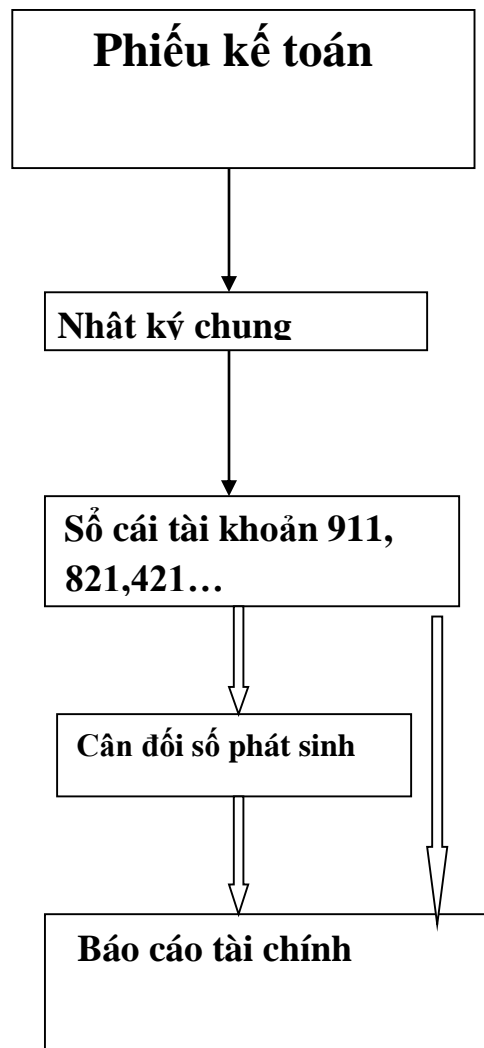
Cuối năm kế toán xác định kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng: 911: Xác định kết quả kinh doanh

821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

421: Lợi nhuận chưa phân phối



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Sơ đồ 2.8: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ví dụ 7: Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2016

Biểu số 20: Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	31.546.267.175

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Biểu số 21: Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	30.134.356.775

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Biểu số 22: Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 03

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	47.150

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)***Biểu số 23:** Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	204.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)*

Biểu số 24: Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 05

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	895.233.176

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Biểu số 25: Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 06

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Xác định thuế TNDN	821	3334	68.799.362

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)***Biểu số 26: Phiếu kế toán**

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 07

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	68.799.362

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)**(Ký, Ghi rõ họ tên)*

Biểu số 27: Phiếu kế toán

Công ty: TNHH TM và DV Minh Lộc
Địa Chỉ: Khu 5 – Thị Trấn – Tiên Lãng - HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

SỐ 08

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Ngày tháng	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
1	31/12	Kết chuyển LNST	911	421	243.925.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Biểu số 28: Trích sổ Nhật Ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: khu 5 TT Tiên Lãng- H. Tiên Lãng - HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...
31/12	PKT 01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng		511	31.546.267.175	
					911		31.546.267.175
31/12	PKT 02	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán		911	30.134.356.775	
					632		30.134.356.775
31/12	PKT 03	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính		515	47.150	
					911		47.150
31/12	PKT 04	31/12	Kết chuyển CPTC		911	204.000.000	
					635		204.000.000
31/12	PKT 05	31/12	Kết chuyển CPQLDN		911	895.233.176	
					642		895.233.176
31/12	PKT 06	31/12	Xác định thuế TNDN		821	68.799.362	
					3334		89.366.244
31/12	PKT 07	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN		911	68.799.362	
					821		89.366.244
31/12	PKT 08	31/12	Kết chuyển LNST		911	243.925.012	
					421		243.925.012
			Tổng			200.589.320.200	200.589.320.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 29: Trích sổ cái 911

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng - HP

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			0
...
31/12	PKT 01	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		31.546.267.175
	PKT 02	31/12	Kết chuyển GVHB	632	30.134.356.775	
	PKT 03	31/12	Kết chuyển DTTC	515		47.150
	PKT 04	31/12	Kết chuyển CpTC	635	204.000.000	
	PKT 05	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	895.233.176	
	PKT 06	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	821	68.799.362	
	PKT 07	31/12	Kết chuyển lãi	421	243.925.012	
			Cộng phát sinh năm		30.465.588.675	30.465.588.675
			Số dư cuối năm			0

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 30: Trích sổ cái 421**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**Địa chỉ:** Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI**Tên tài khoản:** Lợi nhuận chưa phân phối**Số hiệu tài khoản:** 421

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu đầu năm</u>			<u>148.466.018</u>
31/12	PKT 08	31/12	Kết chuyển LNST			243.925.012
			Cộng phát sinh năm			243.925.012
			<u>Số dư cuối năm</u>			<u>392.391.030</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 31: Trích sổ cái 821Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TM và DV MINH LỘC**

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu tài khoản: 821

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu đầu năm</u>			-
31/12	PKT 06	31/12	Xác định thuế TNDN		68.799.362	
31/12	PKT 07	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			68.799.362
			Cộng phát sinh năm		68.799.362	68.799.362
			<u>Số dư cuối năm</u>			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người ghi sổ
(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Niên độ tài chính năm 2016

Mã số thuế:**0200905782****Người nộp thuế:****Công ty TNHH TM & DV Minh Lộc**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	31.546.267.175	26.750.590.795
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		31.546.267.175	26.750.590.795
4	Giá vốn hàng bán	11		30.134.356.775	25.654.789.765
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.411.910.400	1.095.801.030
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.150	40.357
7	Chi phí tài chính	22		204.000.000	255.000.000
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		204.000.000	255.000.000
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		895.233.176	650.500.338
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		312.724.374	190.341.049
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	312.724.374	190.341.049
14	Chi phí thuế TNDN	51		68.799.362	41.875.038
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		243.925.012	148.466.018

Người ký:

Ngày ký:

04/03/2017

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu, họ tên)*

CHƯƠNG 3:**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC****3.1.ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.****3.1.1.Kết quả đạt được.**

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Minh Lộc, em đã hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu thực tế với lý luận. Trong quá trình thực tập tại công ty, em thấy công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đạt được những kết quả sau.

❖ Về bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý của công ty được bố trí một cách đơn giản, hợp lý. Các phòng ban trong được phân chia theo chức năng và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, cùng hoạt động theo một cơ chế chung, vì mục tiêu chung là đưa Công ty phát triển đi lên.

❖ Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, phù hợp với quy mô, tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với chuyên môn của từng người.

- Phòng kế toán có quy chế rõ ràng, mỗi kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình với công việc.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán.

❖ Về tổ chức kế toán:

+ Về hình thức sử dụng: Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ thích hợp với quy mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời.

+ Về sổ sách kế toán: Các sổ sách của công ty thực hiện rõ ràng, đầy đủ, được in ra và lưu trữ theo quy định chung của Nhà nước. Đồng thời việc sắp xếp sổ sách tương đối gọn gàng, ngăn nắp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu.

+ Về chứng từ sử dụng: Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành kèm theo quyết định 48/2006. Chứng từ được phân loại hệ thống rõ ràng. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Hệ thống chứng từ tập hợp, lưu trữ đầy đủ, sắp xếp, kiểm tra cẩn thận đảm bảo tính trung thực, hợp lý tạo điều kiện cho việc hạch toán đúng, đủ, kịp thời.

+ Về hệ thống tài khoản: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản tương đối đầy đủ, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đúng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006 của Bộ Tài Chính.

❖ Về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty nhìn chung đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ

Tài Chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thu nhập doanh nghiệp.

+ *Về kế toán doanh thu*: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Về kế toán chi phí*: Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm phản ánh tình trạng chi không, lãng phí, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ *Về kế toán xác định kết quả kinh doanh*: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo năm.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc còn những hạn chế nhất định.

Về chứng từ sử dụng:

+ Công ty lập bảng kê doanh thu chung cho các đại lý, sau đó chỉ xuất ra một hoá đơn GTGT chung dẫn đến khó khăn trong việc tổng kết doanh thu bán hàng cho từng đại lý. Từ đó không thể xác định đc khách hàng tiềm năng của công ty.

Ví dụ: Ngày 17/12/2016 bán hàng cho các đại lý đã trả bằng tiền mặt tổng số tiền 1.873.058 (Đã bao gồm VAT)

Biểu số 33: Bảng kê

<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc</p> <p>Địa chỉ: Khu 5 TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng</p> <p style="text-align: center;">BẢNG KÊ SỐ 079</p> <p style="text-align: center;"><i>Ngày 17 tháng 12 năm 2016</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Kèm hoá đơn GTGT số 0002076 ngày 17/12/2016</i></p>								
STT	Người mua	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Cộng tiền	VAT (10%)	Thành tiền
1	Đại lý Hồng Xuân	Nước khoáng Lavie 350mlx24chai	Thùng	3	72.150	216.450	21.645	238.095
2	Đại lý Hùng Nga	Bia lon Hà Nội 330mlx24lon	Thùng	5	191.566	957.830	95.783	1.053.613
3	Đại lý Đại Lợi	Bia Sài Gòn 330mlx24lon	Thùng	2	264.250	528.500	52.850	581.350
Tổng								1.873.058

Người lập
(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Biểu số 34:

Mẫu số: 01GTKT3/001

HÓA ĐƠN

Ký hiệu: ML/15P

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Số: 0002076

Liên 3: Nội bộ

Ngày 17 tháng 12 năm 2016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC**

Mã số thuế : 020090582

Địa chỉ : Khu 5, Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng

Số tài khoản :

Điện thoại/Fax: 0225.3683174

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Đại lý bán lẻ

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Nước khoáng Lavie 350mlx24chai	Thùng	3	72.150	216.450
2	Bia lon Hà Nội 330mlx24lon	Thùng	5	191.566	957.830
3	Bia Sài Gòn 330mlx24 lon	Thùng	2	264.250	528.500
Cộng tiền hàng:					1.702.780
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					170.278
Tổng tiền thanh toán:					1.873.058

Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm năm mươi tám đồng./

Người mua hàng
(Đã ký, họ tên)

Người bán hàng
(Đã ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

+ Công ty chưa đánh số các chứng từ Ngân hàng dẫn đến khó khăn trong quá trình tìm kiếm, kiểm tra nếu như muốn xem lại.

❖ **Về tài khoản sử dụng:**

Hiện nay, công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho các tài khoản 511, 632, 642 dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng và không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh.

❖ **Về sổ sách sử dụng:**

Công ty chưa mở các sổ:

- Sổ chi tiết bán hàng dẫn đến hạn chế trong việc theo dõi một cách chi tiết doanh thu, giá vốn và lợi nhuận của từng mặt hàng.
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến hạn chế trong việc theo dõi chi tiết từng loại chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh.

❖ **Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại:**

Hiện nay, công ty chưa áp dụng chính sách thương mại nhằm kích thích tiêu thụ hàng. Việc không áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại của sẽ ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ của công ty không kích thích khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Đồng thời ảnh hưởng đến vòng quay hàng tồn kho và mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ **Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán:**

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn như

- Không tiếp cận được kịp thời những cải tiến trong công tác kế toán mà các phần mềm kế toán mang lại
- Kế toán mất nhiều thời gian cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

3.2.MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC.

3.2.1. Hoàn thiện chứng từ sử dụng.

Công ty nên tạo bảng kê doanh thu bán hàng riêng cho từng đại lý để dễ dàng xác định doanh thu bán hàng cho từng đại lý, từ đó xác định đc khách hàng tiềm năng để có những chính sách ưu đãi phù hợp. Khi xuất hóa đơn GTGT, công ty có thể gộp các nghiệp vụ bán hàng cho từng đại lý trong 1 tháng để viết chung một hóa đơn.

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 công ty sẽ lập bảng kê doanh thu 1 tháng cho 3 đại lý Hồng Xuân, Hùng Nga, Đại Lợi sau đó viết 3 hóa đơn GTGT gồm các nghiệp vụ phát sinh trong 1 tháng của từng đại lý.

Biểu số 35: Bảng kê

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng

BẢNG KÊ DOANH THU BÁN HÀNG

Tên người mua: Đại lý Hồng Xuân

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Cộng tiền	VAT (10%)	Thành tiền
...
3/12	Nước chanh muối Faith Quang Hanh 355mlx24 chai	Thùng	5	152.760	763.800	76.380	840.180
6/12	Nước khoáng Lavie 500ml x 24 chai	Thùng	5	74.730	373.650	37.365	411.015
...
17/12	Nước khoáng Lavie 350ml x 24 chai	Thùng	3	72.150	216.450	21.645	238.095
...
Tổng					12.278.630	1.227.863	13.506.493

Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm linh sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng./

Người lập

(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Đã ký, họ tên)

Biểu số 36: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: ML/15P			
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số: 0002076			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC					
Mã số thuế : 020090582					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại/Fax: 0225.3683174					
Họ tên người mua hàng: Trần Minh Hương					
Tên đơn vị: Đại lý Hồng Xuân					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
..
2	Nước Chanh muối Faith Quang Hanh 355mlx24chai	Thùng	5	152.760	763.800
3	Nước khoáng Lavie 500 ml x 24 chai	Thùng	5	74.730	373.650
...
6	Nước khoáng Lavie 350 ml x 24 chai	Thùng	3	72.150	216.450
...
Cộng tiền hàng:					12.278.630
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.227.863
Tổng tiền thanh toán:					13.506.493
;Số tiền bằng chữ: <i>Mười ba triệu năm trăm linh sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng./</i>					
Người mua hàng (Đã ký, họ tên)		Người bán hàng (Đã ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký, đóng dấu, họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 37: Bảng kê

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng

BẢNG KÊ DOANH THU BÁN HÀNG

Tên người mua: Đại lý Hùng Nga

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Cộng tiền	VAT	Thành tiền
1/12	Nước khoáng Lavie 500 ml x 24 chai	Thùng	10	74.730	747.300	74.730	822.030
	Bia lon Hà Nội 330ml x 24 chai	Thùng	10	191.566	1.915.660	191.566	2.107.226
17/12	Bia lon Hà Nội 330ml x 24 chai	Thùng	5	191.566	957.830	95.783	1.053.613
...
Tổng					25.730.250	2.573.025	28.303.275

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng./

Người lập
(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Biểu số 38: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: ML/15P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0002077		
Ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC					
Mã số thuế : 020090582					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Số tài khoản : 2106201001018					
Điện thoại/Fax: 0225.3683174					
Họ tên người mua hàng: Đoàn Thuý Nga					
Tên đơn vị: Đại lý Hùng Nga					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: 473 Trần Thành Ngọ - Kiến An – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Nước khoáng Lavie 500 ml x 24 chai	Thùng	10	74.730	747.300
2	Bia lon Hà Nội 330ml x 24 chai	Thùng	10	191.566	1.915.660
...
8	Bia lon Hà Nội 330ml x 24 chai	Thùng	5	191.560	957.830
..
Cộng tiền hàng:					25.730.250
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					2.573.025
Tổng tiền thanh toán:					28.303.275
Số tiền bằng chữ: <i>Hai mươi tám triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng./</i>					
Người mua hàng (Đã ký, họ tên)		Người bán hàng (Đã ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 39: Bảng kê

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng

BẢNG KÊ DOANH THU BÁN HÀNG

Tên người mua: Đại lý Đại Lợi

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Cộng tiền	VAT	Thành tiền
...
6/12	Bia Sài Gòn 330ml x 24 chai	Thùng	10	264.250	2.642.500	264.250	2.906.750
13/12	Bia Hà Nội 330ml x 24 chai	Thùng	10	191.566	1.915.660	191.566	2,107.226
...
17/12	Bia Sài Gòn 330ml x 24 chai	Thùng	2	264.250	528.500	52.850	581.350
...
Tổng					9.271.720	927.172	10.198.892

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng./

Người lập
(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Biểu số 40: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: ML/15P		
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Số: 0002078		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ MINH LỘC					
Mã số thuế : 020090582					
Địa chỉ : Khu 5, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP Hải phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại/Fax: 0225.3683174					
Họ tên người mua hàng: Phạm Trung Tín					
Tên đơn vị: Đại lý Đại Lợi					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
...
2	Bia Sài Gòn 330ml x 24 chai	Thùng	10	264.250	2.642.500
3	Bia Hà Nội 330ml x 24 chai	Thùng	10	191.566	1.915.660
...
9	Bia Sài Gòn 330 ml x 24 chai	Thùng	2	264.250	528.500
...
Cộng tiền hàng:					9.271.720
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					927.172
Tổng tiền thanh toán:					10.198.892
Số tiền bằng chữ: Mười triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng./					
Người mua hàng (Đã ký, họ tên)		Người bán hàng (Đã ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký, đóng dấu, họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

3.2.2. Hoàn thiện tài khoản sử dụng.

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- Đồng thời công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 5111 để theo dõi doanh thu bán từng nhóm hàng, mặt hàng như sau:

TK 51111: Doanh thu bán bia.

TK 51111.1: Doanh thu bán bia lon Hà Nội

TK 51111.2: Doanh thu bán bia chai 450ml

TK 51111.3: Doanh thu bán bia lon Haliken

TK 51111.4: Doanh thu bán bia lon Sài Gòn

TK 51111.5: Doanh thu bán bia lon 333

TK 51112: Doanh thu bán nước có ga:

TK 51112.1: Doanh thu bán nước Pepsi Cola lon

TK 51112.2: Doanh thu bán nước Sting dâu

TK 51112.3: Doanh thu bán nước Sting vàng

TK 51112.4: Doanh thu bán nước CC Lemon Lon 5x(6x330ml)

TK 51112.5: Doanh thu bán nước 7Up Lon 24x330ml

TK 51112.6: Doanh thu bán nước Mirinda Lon 24x330ml

TK 51113.6: Doanh thu bán nước Tropicana Twister 24x330ml

.....

TK 51113: Doanh thu bán nước khoáng

TK 51113.1: Doanh thu bán nước khoáng Faith chanh muối

TK 51113.2: Doanh thu bán nước khoáng Quang Hanh

TK 51113.3: Doanh thu bán nước khoáng Lavie

TK 51113.4: Doanh thu bán nước khoáng Aquafina

.....

TK 51114: Doanh thu bán trà.

TK 51114.1: Doanh thu bán trà xanh O°

TK 51114.2: Doanh thu bán trà xanh Tea Plus

TK 51114.3: Doanh thu bán nước C2 vàng

TK 51114.4: Doanh thu bán nước C2 đỏ

TK 51114.5: Doanh thu bán trà Ô Long.

.....

- Công ty nên mở thêm tài khoản chi tiết cho tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” để theo dõi giá vốn từng nhóm hàng, mặt hàng.

TK 6321: Giá vốn bia.

TK 6321.1: Giá vốn bia lon Hà Nội

TK 6321.2: Giá vốn bia chai 450ml

TK 6321.3: Giá vốn bia lon Haliken

TK 6321.4: Giá vốn bia lon Sài Gòn

TK 6321.5: Giá vốn bia lon 333

.....

TK 6322: Giá vốn bán nước có ga:

TK 6323.1: Giá vốn nước Pepsi Cola lon

TK 6323.2: Giá vốn nước Sting dâu

TK 6323.3: Giá vốn nước Sting vàng

TK 6323.4: Giá vốn nước CC Lemon Lon 5x(6x330ml)

TK 6323.5: Giá vốn nước 7Up Lon 24x330ml

TK 6323.6: Giá vốn nước Mirinda Lon 24x330ml

TK 6323.7: Giá vốn nước Tropicana Twister 24x330ml

.....

TK 6323: Giá vốn nước khoáng

TK 6323.1: Giá vốn nước khoáng Faith chanh muối 0,355l

TK 6323.2 :Giá vốn nước khoáng Quang Hanh

TK 6323.3: Giá vốn nước khoáng suối mơ

Tk 6323.4: Giá vốn nước Lavie

.....

TK 6324: Giá vốn trà.

TK 6324.1: Giá vốn trà xanh O°

TK 6324.2: Giá vốn trà xanh Tea Plus

TK 6324.3: Giá vốn nước C2 vàng

TK 6324.4: Giá vốn nước C2 đỏ

TK 6324.4: Giá vốn trà Ô Long.

.....

TK 6325: Giá vốn nước khoáng

TK 6325.1: Giá vốn nước khoáng Faith chanh muối 0,355l

TK 6325.2 :Giá vốn nước khoáng Quang Hanh

TK 6325.3: Giá vốn nước khoáng Lavie

TK 6325.4: Giá vốn nước khoáng Aquafina

.....

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” để theo dõi từng chi phí phát sinh trong quản lý doanh nghiệp như sau:

TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 64211: Chi phí mua dầu

TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 64218: Chi phí bằng tiền khác

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 64221: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý

TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý

TK 64223: Chi phí dụng cụ văn phòng

TK 64224: Chi phí khấu hao

TK 64225: Chi phí thuê, lệ phí

TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

3.2.3. Hoàn thiện sổ sách sử dụng.

- Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S17 – DNN ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) để theo dõi doanh thu, chi phí, giá vốn, lợi nhuận của từng mặt hàng từ đó sẽ giúp công ty

xem xét, so sánh giữa các mặt hàng để đưa ra chiến lược kinh doanh tốt hơn.

- Công ty nên mở sổ chi phí quản lý kinh doanh cho tài khoản 642 (Mẫu S18 – DNN ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) nhằm theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố. Từ đó giúp công ty nắm bắt và quản lý chi phí một cách dễ dàng hơn.

- Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí quản lý kinh doanh.

Biểu số 41: Mẫu sổ chi tiết bán hàng**Đơn vị:** Mẫu số S17 - DNN**Địa chỉ:** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.

Năm...

Quyển số:

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 42: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV Minh Lộc

Mẫu số S17 – DNN

Địa chỉ: Khu 5 TT Tiên Lãng, H. Tiên Lãng, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Nước Lavie 350x24chai

Năm: 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			Số dư đầu kỳ						
....						
03/11	PT 03/11	03/ 11	Bán nước Lavie 350x24chai cho cty CP Đức Thắng	111	50	74.180	3.709.000		
....		
12/11	PT 12/11	12/ 11	Bán nước Lavie 350x24chai cho cty XD Minh Thùy	111	80	74.180	5.934.400		
.....		
			Cộng phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 43: Mẫu sổ chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
Cộng số phát sinh trong kỳ									
- Ghi có TK									
Số dư cuối kỳ									

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 44: Sổ chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DV Minh Lộc

Địa chỉ: Khu 5 – TT Tiên Lãng – H Tiên Lãng – Hải Phòng

Mẫu số: S18-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Tài khoản: 6422

Tên sản phẩm, dịch vụ: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

N T GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...							
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	64221	64222	64223	64224	64225	64227	64228
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
			SDDK									
15/ 11	PC 12/11	15/ 11	Chi tiếp khách	111	3.500.000							3.500.000
31/ 12	BL T12	31/ 12	Tính lương phải trả tháng 12	334	65.880.000	65.880.000						
Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK SDCK												

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, Họ tên)

3.2.4: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua số lượng lớn, như vậy sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của công ty, thu hút thêm nhiều khách hàng.

Ví dụ như có chế độ chiết khấu thương mại, giảm giá trên mỗi hoá đơn cho các đại lý mua hàng đều với số lượng lớn dựa vào bảng kê doanh thu bán hàng cho các đại lý.

Phương pháp xác định:

- Công ty nên tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành, hoặc có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng, phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

- Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty nên sử dụng TK 5211 “Chiết khấu thương mại”

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu được ghi giảm vào hóa đơn GTGT hoặc vào hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

+ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền trên hóa đơn mua hàng lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu cho người mua. Khi thanh toán tiền hàng cho khách hàng, doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền hàng theo đúng quy định cho khách hàng.

+ Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ

chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 5211.

Phương pháp hạch toán:

- Khi áp dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng

Nợ TK 5211

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112...

- Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua trong kỳ.

Nợ TK 511

Có TK 5211

3.2.5: Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán.

Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- ***Tốn ít thời gian:*** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- ***Chính xác:*** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- ***Dễ sử dụng:*** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng.

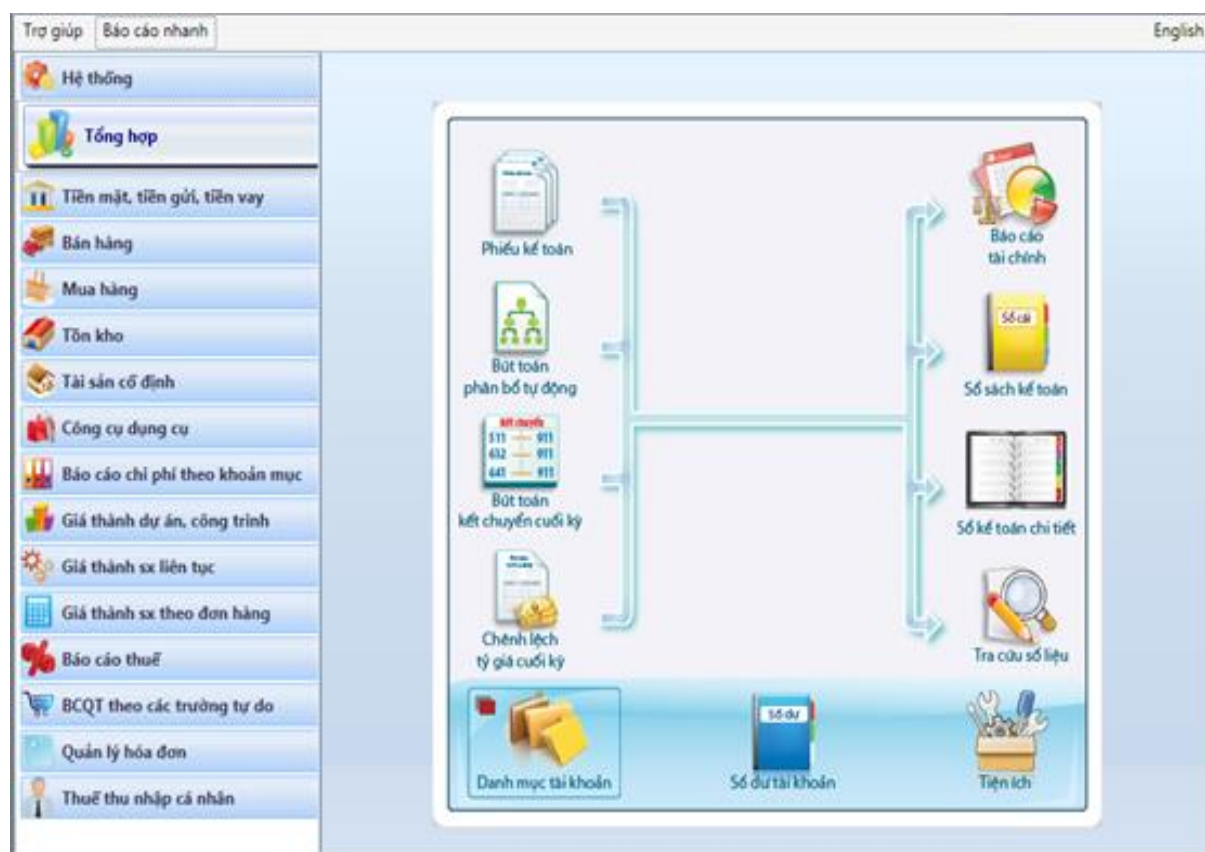
* Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2016

**Chức năng:**

MISA SNE.NET 2016 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

* Phần mềm kế toán CYBER.

**Chức năng:**

Phần hệ phần mềm quản lý tài chính **CYBER ACCOUNTING** với vai trò là trung tâm lưu trữ thông tin về tài chính kế toán của bộ giải pháp ERP; Quản lý tất cả các vấn đề liên quan đến kế toán, từ dòng lưu chuyển tiền, kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính đến tài sản cố định, tính giá thành sản xuất. Giúp cho doanh nghiệp giảm bớt các công đoạn nhập liệu, tính toán và tập hợp số liệu; Dùng nhiều thời gian hơn để phân tích số liệu tài chính, lập kế hoạch tài chính, hoạch định các chiến lược tài chính góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Phần hệ phần mềm quản lý tài chính **CYBERACCOUNTING** với đầy đủ nhất về các Module và nghiệp vụ kế toán như: Module Kế toán tổng hợp, Module kế toán tiền mặt tiền gửi, Module kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Module kế toán mua hàng và công nợ phải trả, Module kế toán

hàng tồn kho, Module kế toán chi phí và tính giá thành, Module kế toán tài sản cố định, Module kế toán công cụ dụng cụ, Module kế toán chủ đầu tư, hệ thống báo cáo thuế, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị. Với đầy đủ các đầu vào chứng từ của các nghiệp vụ khác nhau như: *Phiếu kế toán, phiếu kế toán định kỳ, bút toán kết chuyển - phân bổ, Phiếu thu - chi, báo nợ - báo có, hoá đơn bán hàng, hoá đơn mua hàng, hoá đơn dịch vụ, chứng từ bù trừ công nợ, phiếu xuất nhập kho, phiếu điều chuyển kho, phiếu xuất hàng bán trả lại nhà cung cấp, phiếu nhập hàng bán trả lại, phiếu nhập xuất công cụ dụng cụ,...*

KẾT LUẬN

Sau thời gian được thực tập và tham gia vào công tác kế toán của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc em đã tiếp thu được rất nhiều kiến thức thực tế và chuyên ngành kế toán theo học, bên cạnh đó cũng đã áp dụng và so sánh được giữa những lí thuyết được học trong nhà trường cùng thực tiễn làm việc trong công ty. Từ đó có thể thấy ngoài những kiến thức đã được học trong trường lớp còn phải cố gắng học hỏi thêm thật nhiều từ thực tế của những người đi trước

Trên đây là những gì em đã được tìm hiểu và học hỏi thêm từ các anh chị phòng kế toán công ty, em đã trình bày trong khóa luận một cách đầy đủ nhất.

Tuy nhiên do kinh nghiệm thực tế còn rất nhiều thiếu sót cùng năng thực tế của em còn hạn chế nên trong khóa luận này không tránh khỏi những thiếu sót, mong thầy cô và nhà trường góp ý sửa chữa và đóng góp thêm ý kiến cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành bài khóa luận này em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo Đồng Thị Nga đã tận tình hướng dẫn em cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị cô bác phòng kế toán trong Công ty TNHH TM & DV Minh Lộc đã tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận này.

Sinh viên

Nguyễn Hải Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
3. *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (2011)*, Nhà xuất bản tài chính.
4. *Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC* ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính
5. *Chuẩn mực số 14 – Doanh thu và thu nhập khác*.
6. *Tài liệu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Lộc*